

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án cung cấp điện trên
địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Căn cứ Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3300/QĐ-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 36/TTr-SCT ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc phê duyệt Phương án cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty Điện lực Kon Tum có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Phương án cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025 đảm bảo theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện của Công ty Điện

lực Kon Tum; kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp vượt thẩm quyền; đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung trình phê duyệt Phương án cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025.

Điều 3. Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Công ty Điện lực Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (đ/b);
- Tổng công ty Điện lực miền Trung (đ/b);
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh (p/h);
- UBND các huyện, thành phố (p/h);
- Trung tâm Truyền thông tỉnh (p/h);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP (đ/b);
- Lưu: VT, KTN._{DHL, LDT.}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tháp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN

Cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025

*(Kèm theo Quyết định số 201 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;
- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống của Nhân dân trong thời gian cao điểm năm 2025 và giai đoạn 2026-2030;
- Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bảo đảm cung cấp điện trong thời gian cao điểm năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030;
- Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;
- Thông tư số 07/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện quản lý nhu cầu điện;
- Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025;
- Quyết định số 3300/QĐ-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025;
- Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chủ động giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống của Nhân dân trong thời gian cao điểm năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030;
- Công văn số 1111/EVNCPC-KD+KT ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Tổng công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC) về việc hướng dẫn thực hiện các chương trình quản lý phụ tải điện năm 2025;

- Công văn số 798/EVNCPC-KD+KT ngày 11 tháng 02 năm 2025 của EVNCPC về việc thực hiện các chương trình quản lý phụ tải điện năm 2025.

II. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, ổn định, tiết kiệm để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt thiết yếu của khách hàng sử dụng điện quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo cấp điện cho khách hàng quan trọng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024; đảm bảo cấp điện phục vụ các hoạt động chính trị, kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Phương án này là cơ sở để Công ty Điện lực Kon Tum chủ động thực hiện điều chỉnh, tiết giảm phụ tải điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum, đáp ứng nhu cầu cung cấp điện cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của Nhân dân trong điều kiện hệ thống điện vận hành bình thường cũng như trong trường hợp hệ thống mất cân đối cung cầu trong hệ thống điện.

III. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Nguyên tắc thực hiện điều hòa, tiết giảm điện theo Phương án cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025 phải đảm bảo theo quy định tại Điều 6 Phụ lục 1 Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể:

1. Trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện, Công ty Điện lực Kon Tum có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng của việc tiết giảm điện tới hoạt động sản xuất và đời sống Nhân dân, cụ thể như sau:

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện và quản lý nhu cầu phụ tải điện.
- Huy động tối đa các nguồn thủy điện, điện mặt trời mái Nhà, điện mặt trời hiện có trên địa bàn tỉnh.

- Thỏa thuận với khách hàng sử dụng điện có nguồn điện dự phòng tại chỗ để khai thác các nguồn điện này khi xảy ra thiếu điện.

- Thỏa thuận với khách hàng công nghiệp - xây dựng về phương thức tiết giảm điện luân phiên khi hệ thống thiếu điện năng hoặc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh để giảm công suất tiêu thụ điện tại các giờ cao điểm khi hệ thống thiếu công suất; bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, xây dựng và thực hiện các phương án giảm nhu cầu sử dụng điện phù hợp với khả năng cung ứng điện.

2. Trong trường hợp đã thực hiện các biện pháp nêu trên mà sản lượng điện, công suất tiêu thụ của các phụ tải vẫn có khả năng vượt mức sản lượng

điện, công suất được phân bổ thì việc tiết giảm điện phải được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Thực hiện tiết giảm điện đối với khách hàng sử dụng điện từ các khách hàng sử dụng điện quan trọng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024.

- Ưu tiên cấp điện cho các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng và các sự kiện khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện tiết giảm điện theo Phương án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại kế hoạch này đảm bảo luân phiên, công bằng, không tiết giảm điện kéo dài đối với một khu vực hoặc một phụ tải điện, đáp ứng hợp lý nhu cầu điện cho sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của Nhân dân.

- Hạn chế tối đa phạm vi và mức độ ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân, tránh mất điện diện rộng và kéo dài.

3. Trong quá trình thực hiện điều hòa, tiết giảm điện, Công ty Điện lực Kon Tum có trách nhiệm cập nhật điện năng, công suất khả dụng và tăng trưởng phụ tải thực tế của tỉnh để kịp thời báo cáo, kiến nghị EVNCPC điều chỉnh kế hoạch phân bổ sản lượng và công suất điện hợp lý cho toàn tỉnh. Tổ chức triển khai kế hoạch đã được điều chỉnh để đảm bảo cung cấp điện ổn định, tối đa cho phụ tải trong điều kiện cho phép.

4. Việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện phải phù hợp với từng đối tượng khách hàng, cân nhắc đến đặc điểm sinh hoạt của người dân, đặc thù công nghệ dây chuyền sản xuất nhằm hạn chế tối đa thiệt hại do gián đoạn cung cấp điện đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống sinh hoạt của người dân, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

IV. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CUNG CẤP ĐIỆN NĂM 2025

1. Khi hệ thống điện quốc gia ở chế độ vận hành bình thường

- Khi hệ thống điện quốc gia đảm bảo cung cấp điện cho toàn bộ phụ tải của tỉnh thì không thực hiện điều hòa, tiết giảm phụ tải.

- Khuyến khích khách hàng chủ động giảm nhu cầu sử dụng điện được cung cấp từ hệ thống điện quốc gia theo chương trình điều chỉnh phụ tải điện theo quy định tại Thông tư số 07/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn và khẩn cấp

Để đảm bảo an toàn, an ninh trong vận hành Hệ thống điện nhằm cân bằng công suất, sản lượng giữa nguồn phát và phụ tải, phải thực hiện điều hòa, ngừng, giảm sản lượng, công suất theo phân bổ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, EVNCPC.

2.1. Dự kiến công suất và sản lượng điện các tháng năm 2025

Tháng	Công suất (MW)		Sản lượng (Triệu kWh)
	P _{max}	P _{min}	
01	114,5	59,3	57.682
02	113,4	64,5	47.732
3	123,2	54,7	60.752
4	118,9	56,0	55.712
5	113,0	38,3	49.622
6	103,2	38,7	45.416
7	96,7	37,0	42.030
8	103,9	37,3	49.727
9	98,4	36,4	47.683
10	99,3	39,4	53.807
11	107,8	47,2	51.132
12	110,2	48,0	55.620
Năm 2025	123,2	37	616.915

2.2. Phương án tiết giảm khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện

Hiện nay, tỉnh Kon Tum được cấp điện từ lưới điện quốc gia qua 07 trạm biến áp 110kV với tổng dung lượng 304 MVA và nguồn điện tại chỗ qua 34 Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ có tổng công suất lắp đặt 405,7 MW (kể cả thủy điện Plei Krông), đầu nối vào lưới điện 110kV và 22kV; nguồn năng lượng tái tạo điện mặt trời mái nhà nối lưới trung và hạ áp với tổng công suất 128,9 MW do Công ty Điện lực Kon Tum quản lý, vận hành. Đảm bảo cấp điện cho 09 huyện và 01 thành phố thuộc tỉnh Kon Tum, do vậy việc thực hiện trong mỗi khu vực chia thành các nhóm nhỏ để phân kỳ xây dựng mức tiết giảm luân phiên.

Phương thức tiết giảm: thao tác các Aptomat TBA, máy cắt/Recloser, giám sát thông số vận hành qua hệ thống SCADA và Chương trình theo dõi số liệu từ xa từ các thiết bị đo đếm công tơ của khách hàng (PSDM) và báo cáo của các đơn vị quản lý vận hành.

Thực hiện theo phân bổ công suất, sản lượng khi thiếu nguồn điện của EVNCPC theo khung thời gian sau:

- Danh sách ngừng giảm mức cung cấp điện khẩn cấp đầu nguồn 110kV, trung áp theo Công văn số 1111/EVNCPC-KD+KT ngày 20 tháng 02 năm 2025 của EVNCPC: Tỉnh Kon Tum không phân bổ công suất và sản lượng ngừng giảm.

- Phân bổ mức ngừng giảm cung cấp điện khi hệ thống điện quốc gia ở chế độ cực kỳ khẩn cấp theo Công văn số 1111/EVNCPC-KD+KT ngày 20 tháng 02 năm 2025 của EVNCPC, cụ thể:

+ Thời gian áp dụng từ 07h00' đến 16h00' hàng ngày: Tỉnh Kon Tum không phân bổ mức ngừng giảm cung cấp điện;

+ Thời gian áp dụng từ 16h00' đến 07h00' ngày hôm sau:

++ Khi công suất ngừng giảm cung cấp điện ở chế độ cực kỳ khẩn cấp phân bổ cho tỉnh theo các mức từ 01MW đến 24 MW: Hiện tại các xuất tuyến trung áp trên lưới điện Kon Tum đều có đầu nối hệ thống điện mặt trời mái nhà, nhà máy thủy điện và khách hàng ưu tiên do vậy việc ngừng giảm cấp điện phần lớn các Điện lực cấp huyện ngừng giảm từng TBA, nhánh rẽ nhỏ lẻ;

++ Việc ngừng giảm được thực hiện khi có yêu cầu của Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia và EVNCPC tùy theo sản lượng, công suất phân bổ, thực hiện ngừng giảm cung cấp điện theo từng mức ngừng giảm cấp điện ở chế độ cực kỳ khẩn cấp từ mức 1 đến mức 24 như sau:

Mức giảm (MW)	Luân phiên ngừng giảm cấp điện ngày theo nhóm	Ghi chú
1	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
2	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
3	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
4	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 7	
5	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
6	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
7	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 7	
8	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 5	
9	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 7	
10	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
11	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 7	
12	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
13	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
14	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 7	
15	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 7	
16	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 7	

Mức giảm (MW)	Luân phiên ngừng giảm cấp điện ngày theo nhóm	Ghi chú
17	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 5	
18	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 7	
19	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
20	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 7	
21	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
22	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 6	
23	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 7	
24	Mỗi ngày sa thải 1 nhóm, luân phiên từ nhóm 1 đến nhóm 2	

(Chi tiết phụ tải, công suất ngừng giảm cấp điện ở chế độ cực kỳ khẩn cấp như bảng Phụ lục I, II kèm theo)

2.3. Trình tự khôi phục phụ tải khi kết thúc ngừng giảm cung cấp điện ở chế độ cực kỳ khẩn cấp: Tập trung lực lượng ưu tiên khôi phục cấp điện cho các phụ tải trung tâm thành phố, thị trấn; các doanh nghiệp công nghiệp có quy mô sản xuất lớn, sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao, các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương: Theo dõi, giám sát và phối hợp với Công ty Điện lực Kon Tum tổ chức triển khai thực hiện Phương án cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025 khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt. Kịp thời phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình cung ứng và sử dụng điện trên địa bàn tỉnh.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ, chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và Công ty Điện lực Kon Tum đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kế hoạch số 2318/KH-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023; tạo sự đồng thuận của doanh nghiệp và người dân trong trường hợp phải bắt buộc tiết giảm do thiếu nguồn điện.

3. Công ty Điện lực Kon Tum

- Tổ chức triển khai thực hiện Phương án cung cấp điện trên địa bàn tỉnh năm 2025; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý trong việc điều độ, phân bổ công suất, kết quả tính toán Phương án cung cấp điện và vận hành hệ thống điện trên địa bàn tỉnh đảm bảo tuân thủ đúng các quy định.

- Thực hiện đầu tư cải tạo và phát triển hệ thống lưới điện theo quy hoạch được duyệt để đáp ứng tốt nhu cầu phát triển phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Trong trường hợp bất khả kháng phải tiết giảm điện phải lập và thực hiện lịch điều hòa tiết giảm một cách hợp lý, phù hợp với từng thời điểm, từng đối tượng phụ tải; thực hiện việc ngừng giảm mức cung cấp điện theo đúng quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; thông báo kịp thời, chính xác lịch cắt điện để các đơn vị, tổ chức chủ động trong việc sắp xếp, tổ chức sản xuất.

- Báo cáo định kỳ theo quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Tiếp tục triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kế hoạch số 2318/KH-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023, Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2025.

PHỤ LỤC I
Bảng phân bổ công suất, sản lượng khi hệ thống điện quốc gia ở
chế độ cực kỳ khẩn cấp
(Kèm theo Phương án cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025)

1. Thời gian áp dụng từ 07h00’ đến 16h00’ hàng ngày: Tỉnh Kon Tum không phân bổ mức ngừng giảm cung cấp điện.

2. Thời gian áp dụng từ 16h00’ đến 07h00’ hôm sau

Tổng công suất cắt hệ thống điện quốc gia (MW)	EVNCPC (MW)	KTPC (MW)	Ghi chú
100	8	0	
200	17	0	
300	25	1	Mức 1
400	34	1	
500	42	1	
600	49	1	
700	55	1	
800	62	1	
900	68	2	Mức 2
1.000	75	2	
1.100	81	2	
1.200	88	2	
1.300	94	2	
1.400	101	2	
1.500	108	3	Mức 3
1.600	114	3	
1.700	121	3	
1.800	127	3	
1.900	134	3	
2.000	140	3	
2.100	147	4	Mức 4
2.200	153	4	
2.300	160	4	
2.400	166	4	
2.500	173	4	
2.600	179	4	
2.700	186	4	Mức 5
2.800	192	5	
2.900	199	5	
3.000	205	5	
3.100	212	5	
3.200	218	5	
3.300	225	5	Mức 6
3.400	231	6	
3.500	238	6	
3.600	244	6	

Tổng công suất cắt hệ thống điện quốc gia (MW)	EVNCPC (MW)	KTPC (MW)	Ghi chú
3.700	251	6	
3.800	257	6	
3.900	264	6	
4.000	270	7	Mức 7
4.100	277	7	
4.200	283	7	
4.300	290	7	
4.400	296	7	
4.500	303	7	
4.600	309	7	
4.700	316	8	Mức 8
4.800	322	8	
4.900	325	8	
5.000	329	8	
5.100	342	8	
5.200	348	8	
5.300	355	9	Mức 9
5.400	361	9	
5.500	368	9	
5.600	374	9	
5.700	381	9	
5.800	387	9	
5.900	394	9	Mức 10
6.000	400	10	
6.100	407	10	
6.200	413	10	
6.300	420	10	
6.400	426	10	
6.500	433	10	Mức 11
6.600	436	11	
6.700	446	11	
6.800	452	11	
6.900	459	11	
7.000	465	11	
7.100	472	11	Mức 12
7.200	478	11	
7.300	485	12	
7.400	491	12	
7.500	498	12	
7.600	504	12	
7700	511	12	Mức 13
7.800	517	12	
7.900	524	13	
8.000	531	13	
8.100	537	13	

Tổng công suất cắt hệ thống điện quốc gia (MW)	EVNCPC (MW)	KTPC (MW)	Ghi chú
8.200	544	13	
8.300	550	13	
8.400	557	13	
8.500	563	14	Mức 14
8.600	570	14	
8.700	576	14	
8.800	583	14	
8.900	589	14	
9.000	596	14	
9.100	602	15	Mức 15
9.200	609	15	
9.300	615	15	
9.400	622	15	
9.500	628	15	
9.600	635	15	
9.700	641	15	Mức 16
9.800	648	16	
9.900	654	16	
10.000	661	16	
10.100	667	16	
10.200	674	16	
10.300	680	16	Mức 17
10.400	687	16	
10.500	693	17	
10.600	700	17	
10.700	706	17	
10.800	713	17	Mức 18
10.900	719	17	
11.000	726	18	
11.100	732	18	
11.200	739	18	
11.300	745	18	
11.400	752	18	Mức 19
11.500	758	18	
11.600	765	18	
11.700	771	19	
11.800	778	19	
11.900	784	19	

Tổng công suất cắt hệ thống điện quốc gia (MW)	EVNCPC (MW)	KTPC (MW)	Ghi chú
12.000	791	19	
12.100	797	19	
12.200	804	19	
12.300	810	20	Mức 20
12.400	817	20	
12.500	823	20	
12.600	830	20	
12.700	836	20	
12.800	843	20	
12.900	849	20	
13.000	856	21	Mức 21
13.100	862	21	
13.200	869	21	
13.300	875	21	
13.400	882	21	
13.500	888	21	
13.600	895	22	Mức 22
13.700	901	22	
13.800	908	22	
13.900	914	22	
14.000	921	22	
14.100	927	22	
14.200	934	23	Mức 23
14.300	941	23	
14.400	947	23	
14.500	954	23	
14.600	960	23	
14.700	967	23	
14.800	973	23	
14.900	980	24	Mức 24
15.000	986	24	

PHỤ LỤC II
Phương án tiết giảm theo khung thời gian trong ngày khi hệ thống điện quốc gia ở
chế độ cực kỳ khẩn cấp
(Kèm theo Phương án cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025)

- 1. Khung thời gian từ 07h00’ đến 16h00’ hàng ngày:** Tỉnh Kon Tum không phân bổ mức ngừng giảm cung cấp điện.
2. Khung thời gian từ 16h00’ đến 07h00’ ngày hôm sau:

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Tu Mơ Rông	TBA Làng Mô Pả	XT477/DTO	0,02	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 1- Nhóm 1
Kon Plông	TBA Trung tâm dạy nghề Măng Đen	XT477/KPL	0,03	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Tái định cư Long Nang	XT481/BOY	0,05	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Nguyễn Sinh Sắc	XT471/BOY	0,16	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Đăk Rơ Wa 1, 3	XT 481/KTU	0,5	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA 12 Đăk Ruồng	XT483/KTU	0,05	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Bình An - 100kVA	XT473/KTU	0,06	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Trung tâm Dạy nghề	XT 481/ĐHA	0,11	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Hoàng Thị Loan	XT 473/DTO	0,1	ĐL Đăk Tô	Mức 1- Nhóm 2
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Pơ Trang	XT477/DTO	0,02	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Hiếu 5	XT477/KPL	0,03	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Tái định cư Đăk Sút	XT481/BOY	0,05	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Hoàng Thị Loan	XT471/BOY	0,16	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Vinh Quang 1, 4	XT 476/KTU	0,5	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Tân Lập 4	XT475/KPL	0,05	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Bình Nam-Bình Sơn - 100kVA	XT473/KTU	0,06	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Nhà hàng Quốc Tuấn	XT 475/ĐHA	0,11	ĐL Đăk Hà	Mức 1- Nhóm 3
Đăk Tô	TBA Kon Cheo	XT 477/DTO	0,1	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Kon Linh, Đăk Pơ Trang	XT477/DTO	0,02	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Pờ Ê 2	XT477/KPL	0,03	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Đăk Chung 1	XT481/BOY	0,05	ĐL Đăk Gleï	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Ngọc Hồi	TBA Nguyễn Sinh Sắc 3	XT471/BOY	0,16	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Đăk Cẩm 1, 2, 3	XT 475/KTU	0,51	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Kon Nu	XT475/KPL	0,05	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Anh Dũng - 100kVA	XT473/KTU	0,06	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Huy Hùng 1	XT 479/ĐHA	0,11	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Khối 6 (XBT)	XT 475/TM	0,1	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Long Leo	XT477/DTO	0,02	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 1- Nhóm 4
Kon Plông	TBA Pờ Ê 3	XT477/KPL	0,03	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Đăk Chung 2	XT481/BOY	0,05	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Công Viên	XT471/BOY	0,16	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Duy Tân 1, 3	XT 479/KTU	0,59	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Tờ Re 3	XT483/KTU	0,05	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Kleng 1 - 100kVA	XT472/KTU	0,06	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA DNTN Duy Phương	XT 481/ĐHA	0,11	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Đăk Rao 1	XT 475/TM	0,1	ĐL Đăk Tô	Mức 1- Nhóm 5
Tu Mơ Rông	TBA Tu Mơ Rông 4&5	XT477/DTO	0,02	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Măng Bút 5	XT477/KPL	0,03	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Long Nang	XT481/BOY	0,05	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Lâm trường Sa Loong	XT471/BOY	0,16	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Đăk Blà 2, 3	XT 487/KTU	0,33	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Làng Kon Sờ Rệt	XT483/KTU	0,05	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Làng Chốt - 100kVA	XT473/KTU	0,06	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Huy Hùng	XT 475/ĐHA	0,11	ĐL Đăk Hà	Mức 1- Nhóm 6
Đăk Tô	TBA Hùng Vương	XT 473/DTO	0,1	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Khu dân cư Mô Pả	XT477/DTO	0,02	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Măng Bút 6	XT477/KPL	0,03	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Đăk Poi	XT481/BOY	0,05	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Đăk Mốt	XT471/BOY	0,16	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Đoàn Kết 2, 3	XT 471/KTU2	0,43	ĐL Tp. Kon Tum	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Kon Rẫy	TBA Thôn 7 Đăk Ruồng	XT483/KTU	0,05	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Làng Thái Bình - 100kVA	XT473/KTU	0,06	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Thung Hoa	XT 481/ĐHA	0,11	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Bệnh viện	XT 473/DTO	0,1	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Mô Pả 2	XT477/DTO	0,04	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 2- Nhóm 1
Kon Plông	TBA Tu Rí	XT477/KPL	0,07	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 1	XT481/BOY	0,1	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Thôn 5; Nguyễn Sinh Sắc	XT471/BOY	0,32	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	TBA: Thanh Trung 2	XT472KTU	0,83	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Kon Skôi	XT483/KTU	0,07	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/12/1 Lò Xả	XT473/KTU	0,12	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Hoàng Danh Chuyên	XT 471/ĐHA	0,23	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Trung tâm dạy nghề	XT 473/DTO	0,18	ĐL Đăk Tô	Mức 2- Nhóm 2
Tu Mơ Rông	TBA Tu Cấp	XT477/DTO	0,04	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Kíp La 1	XT477/KPL	0,07	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 1-1	XT481/BOY	0,1	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Thôn 4 Plei Kân; Hoàng Thị Loan	XT471/BOY	0,32	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Vinh Quang 1, 2, 3, 4, 5	XT 476/KTU	0,98	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Thôn 6 Tân Lập	XT475/KPL	0,07	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/190/22 Kà Bày	XT473/KTU	0,12	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Hồ Trọng Hiền	XT 471/ĐHA	0,23	ĐL Đăk Hà	Mức 2- Nhóm 3
Đăk Tô	TBA Diên Bình 5	XT 477/TM	0,18	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Hà 3	XT477/DTO	0,04	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Kíp La 2	XT477/KPL	0,07	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đông Sông	XT481/BOY	0,1	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Đăk Mốt; Hùng Vương 1	XT471/BOY	0,32	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Vinh Quang 1A, 2A, 1B, 2, 4A, 5A, 5, 6	XT 476/KTU	1,00	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Thôn 8 Đăk Ruồng	XT483/KTU	0,1	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Kleng 2&3 - 200kVA	XT473/KTU	0,12	ĐL Sa Thầy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Hà	TBA Khu Cấp nước sinh hoạt thị trấn Đăk Hà	XT 471/ĐHA	0,23	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Kon Đào 1	XT 477/DTO	0,18	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Hà 4	XT477/DTO	0,04	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 2- Nhóm 4
Kon Plông	TBA Đập Thủy lợi (cụm 1)	XT477/KPL	0,07	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleiz	TBA Đông Sông 2	XT481/BOY	0,1	ĐL Đăk Gleiz	
Ngọc Hồi	TBA Nguyễn Sinh Sắc 2; Công Viên	XT471/BOY	0,32	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Gõ Lạng, Phú Quý	XT 471/KTU2	0,96	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Thôn 2 Thị trấn	XT475/KPL	0,07	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Trường Nhật - 160kVA	XT473/KTU	0,12	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Xây đá Tân Hưng	XT 475/ĐHA	0,23	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Trạm Bơm	XT 475/TM	0,18	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA T1 Đăk Hà	XT477/DTO	0,04	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 2- Nhóm 5
Kon Plông	TBA Đập thủy lợi cụm 2	XT477/KPL	0,07	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleiz	TBA Đăk Gleiz 6	XT481/BOY	0,1	ĐL Đăk Gleiz	
Ngọc Hồi	TBA Đăk Mốt 1; Đăk Mốt	XT471/BOY	0,32	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Trường Nguyên Khánh, Hoàng Thái 2	XT 471/KTU2	1,03	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Tờ Re 3, TBA thôn 3 Đăk Tờ Re	XT483/KTU	0,07	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Sa Thầy 3 - 160kVA	XT473/KTU	0,12	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Cơ sở sản xuất Bột nhang Na Uy ATY	XT 475/ĐHA	0,23	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Trạm bơm	XT 475/TM	0,18	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Hà 2	XT477/DTO	0,04	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 2- Nhóm 6
Kon Plông	Các TBA sau FCO 01-4 Làng Đăk Bao	XT477/KPL	0,07	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleiz	TBA Đăk Gleiz 7	XT481/BOY	0,1	ĐL Đăk Gleiz	
Ngọc Hồi	TBA thôn 2 Plei Kần; TT thương mại	XT471/BOY	0,32	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Làng nghề 2, Đoàn Kết 2, 3	XT 471/KTU2	0,68	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA XN 1/5	XT475/KPL	0,1	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Làng Tum 2 - 160kVA	XT473/KTU	0,12	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Gia Nghi	XT 473/ĐHA	0,23	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Diên Bình 2, Diên Bình 4	XT 477/TM	0,2	ĐL Đăk Tô	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Psi 1	XT477/DTO	0,065	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 3- Nhóm 1
Kon Plông	TBA Khu sản xuất (RHXL)	XT477/KPL	0,1	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	LBS 481/108/1 Đăk Nờ	XT481/BOY	0,16	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Dương Thị Huệ	XT473/BOY	0,48	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Đoàn Kết 1, 2, 3, 4, 5; Nguyễn Thông, Phan Văn Viêm, Thôn 9 Đoàn Kết	XT 471/KTU2	1,45	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau FCO-475/203 T11 ĐĂK RUÔNG	XT483/KTU	0,1	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/250/1 Sa Nghĩa	XT473/KTU	0,18	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Gạch không nung	XT 475/ĐHA	0,34	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Sâm Ngọc Linh	XT 473/DTO	0,26	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Cấp nước 2	XT477/DTO	0,06	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 3- Nhóm 2
Kon Plông	TBA Hiếu 1	XT477/KPL	0,1	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Đăk Gleï 3, TBA Măng Rao	XT481/BOY	0,16	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA TĐ Plei Kần 2; TDP3	XT471/BOY	0,48	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Đoàn Kết 1, 2, 3, 4, 5; Nguyễn Thông, Phan Văn Viêm, Thôn 9 Đoàn Kết	XT 471/KTU2	1,45	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Thôn 3 Tân Lập	XT475/KPL	0,08	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Xây đá Sa Nghĩa - 250kVA	XT472/KTU	0,18	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Xây đá Thành An	XT 481/ĐHA	0,34	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Sân vận động	XT 473/DTO	0,26	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Tam Rìm 2	XT477/DTO	0,06	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 3- Nhóm 3
Kon Plông	TBA Kíp La 1	XT477/KPL	0,1	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Xí nghiệp gỗ	XT481/BOY	0,16	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Lê Văn Thảo	XT475/BOY	0,48	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Đoàn Kết 1, 2, 3, 4, 5; Nguyễn Thông, Phan Văn Viêm, Thôn 9 Đoàn Kết	XT 471/KTU2	1,45	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Nam Hà	XT475/KPL	0,08	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Xây đá Cửu Long 2 - 250kVA	XT473/KTU	0,18	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Xây đá Công ty 79	XT 475/ĐHA	0,34	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Tô	TBA Cao su Kon Đào	XT 477/DTO	0,26	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Sao 4	XT477/DTO	0,06	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 3- Nhóm 4
Kon Plông	TBA Kíp La 2	XT477/KPL	0,1	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Hà Thành	XT481/BOY	0,16	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: Plei Kần, trung tâm thương mại	XT471/BOY	0,48	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/202/1 Chư Mom Ray	XT 374/IGRAI	1,39	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Làng Kon Nhen	XT483/KTU	0,08	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Khu 2 - Đăk Uy 1 - 250kVA	XT472/KTU	0,18	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Bê tông nóng Đăk La (Đại Tâm)	XT 475/ĐHA	0,34	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Kon Pring	XT 477/DTO	0,26	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Thôn Ngọc La	XT477/DTO	0,06	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 3- Nhóm 5
Kon Plông	TBA Kon Tu Răng 2	XT477/KPL	0,1	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 8, TBA Thôn 14B	XT481/BOY	0,16	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Chả Nội 2-1; Đăk Nông 1	XT481/BOY	0,48	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Đoàn Kết 1, 2, 3, 4, 5; Nguyễn Thông, Phan Văn Viêm, Thôn 9 Đoàn Kết	XT 471/KTU2	1,45	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đại Lộc 1	XT483/KTU	0,08	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Tân Sang 2 (250)	XT472/KTU	0,18	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Nhà máy chế biến bởi lời Hoàng Huy	XT 475/ĐHA	0,34	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Rạng Minh 2	XT 475/TM	0,26	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Psi 2	XT477/DTO	0,06	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 3- Nhóm 6
Kon Plông	Các TBA sau FCO 06-4 Đăk Tăng	XT477/KPL	0,1	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Pen Seng Peng, Đăk Đoát	XT481/BOY	0,16	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Trạm trộn bê tông nóng	XT479/BOY	0,48	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/202/1 Chu Mom Ray	XT 374/IGRAI	1,39	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Thôn 6A Tân Lập	XT475/KPL	0,08	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Xây đá Cừu Long - 250kVA	XT472/KTU	0,18	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Xây xát Ngọc Thành	XT 471/ĐHA	0,34	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Diên Bình 3	XT 477/TM	0,26	ĐL Đăk Tô	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Tờ Kan 2	XT477/DTO	0,08	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 4-Nhóm 1
Kon Plông	TBA Thôn Vương - Xô Luông	XT477/KPL	0,13	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 3, TBA Măng Rao	XT481/BOY	0,21	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Nhà máy cao su số 5	XT471/BOY	0,64	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 481/120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/160 Kon Klor	XT 481/KTU	1,82	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau LBS475/16A/1 Đăk Tờ Re	XT483/KTU	0,11	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Tinh bột sắn Sa Bình 4 - 400kVA	XT473/KTU	0,24	ĐL Sa Thầy	
Đăk Tô	TBA Khôi 9	XT 473/DTO	0,4	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Ngọc Yêu 2	XT477/DTO	0,08	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 4-Nhóm 2
Kon Plông	TBA Đăk Pông 1	XT477/KPL	0,13	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Tráp, TBA Đăk Pô Cô	XT481/BOY	0,21	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Đăk Tráp, TBA Đăk Pô Cô	XT481/BOY	0,21	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh	XT 471/KTU2	1,91	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 1	XT483/KTU	0,11	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Bến xe - 400kVA	XT473/KTU	0,24	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Bê tông nóng	XT 475/ĐHA	0,46	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Xí nghiệp gỗ, Khóm 6	XT 473/DTO	0,35	ĐL Đăk Tô	Mức 4-Nhóm 3
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Tờ Kan 1	XT477/DTO	0,08	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Hiếu 1	XT477/KPL	0,13	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Đăk Choong 1, Đăk Choong 2, La Lua	XT481/BOY	0,21	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Cao su Đại Lợi 3	XT471/BOY	0,64	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 481/120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/160 Kon Klor	XT 481/KTU	1,82	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đại Lộc	XT483/KTU	0,11	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Sa Thầy 2 - 400kVA	XT473/KTU	0,24	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Xây đá Trường Anh (Đăk La)	XT 475/ĐHA	0,46	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA Duy Tân, Đăk Mốt	XT 471/DTO	0,35	ĐL Đăk Tô	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Tờ Kan 5	XT477/DTO	0,08	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 4- Nhóm 4
Kon Plông	TBA Sim Thiên Sơn	XT477/KPL	0,13	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Mường Hoong 1, Mường Hoong 2, Làng Mới	XT481/BOY	0,21	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA HTX Vạn Thành	XT479/BOY	0,32	ĐL Ngọc Hồi	
	TBA Chả nội 2-1	XT481/BOY	0,32		
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 481/120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/160 Kon Klor	XT 481/KTU	1,82	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA: Thôn 7 Đăk Ruồng, Thôn 7A Đăk Tờ Lung	XT483/KTU	0,11	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/42/3 Làng Chốt	XT473/KTU	0,24	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	TBA Nhà máy chế biến gỗ cây cao su	XT 475/ĐHA	0,57	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Xay đá Ngọc Tụ, Đăk Rô Gia	XT 477/DTO	0,35	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk King 1A	XT 477/DTO	0,08	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 4- Nhóm 5
Kon Plông	TBA Công ty TNHH Nghĩa Thịnh	XT 477/KPL	0,13	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Ngọc Linh 1, Kung Rang, Ngọc Linh 7	XT481/BOY	0,21	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: MĐ Đức Tiến, đường N5	XT471/BOY	0,64	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh	XT 471/KTU2	1,91	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Kon Cheo Leo 2	XT475/KPL	0,11	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	LBS 473/64/04 Ya Xia đến TBA Làng Chờ	XT473/KTU	0,24	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Từ FCO 01-4 T2 Đăk Hà đến hết TBA Long Loi	XT 477/ĐHA	0,45	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Trạm xay đá 501	XT 475/DTO	0,16	ĐL Đăk Tô	
	TBA Bãi Xử lý rác	XT 471/DTO	0,16		
Tu Mơ Rông	TBA Tu Mơ Rông 1	XT477/DTO	0,08	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 4- Nhóm 6
Kon Plông	TBA Cấp điện TC đội cơ khí TĐ Đăk Lô (Ngọc Tem)	XT477/KPL	0,13	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Đăk Ác 1, Đăk Ác 3, Ri Nầm	XT481/BOY	0,21	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: Cao su Vạn Phát, Tổ 10 Đăk Mốt	XT471/BOY	0,64	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 481/120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/160 Kon Klor	XT 481/KTU	1,82	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Thôn 3 Thị trấn	XT475/KPL	0,11	ĐL Kon Rẫy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/42/3 Làng Chốt	XT473/KTU	0,24	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 475/107 T4 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Ho Đre	XT 471/ĐHA	0,49	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Nguyên liệu giấy	XT 475/DTO	0,32	ĐL Đăk Tô	
	TBA Tân Cảnh 5	XT 471/DTO	0,05		
Tu Mơ Rông	TBA Tam Rim 2	XT477/DTO	0,08	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 4- Nhóm 7
Kon Plông	TBA Sim Thiên Sơn	XT477/KPL	0,13	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Prông Mệt, TBA Đăk Tum, TBA Nủ Kon	XT481/BOY	0,21	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Nhà máy cao su số 5	XT471/BOY	0,64	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh	XT 471/KTU2	1,91	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Ngân Hàng, TBA Thôn 11A Đăk Ruồng	XT475/KPL	0,11	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/190/1 Bình Trung	XT473/KTU	0,24	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA sau FCO 01-4 T2 Đăk Mar đến hết TBA T2 Đăk Mar	XT 481/ĐHA	0,56	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA T2 Thủy điện Plei Kần Hạ	XT 475/ĐTO;	0,35	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA sau FCO-477/92/1 TÊ XÔ TRONG	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA sau FCO 114-4 Ko Chắc	XT477/KPL	0,16	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA sau FCO-481/643/2 Ngã ba Đăk Pét (TBA Thôn 14B, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Glei 8, TBA Đăk Pét 4, TBA Đăk Dền, TBA Dền Prông)	XT481/BOY	0,26	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA sau FCO-481/181/1 Đăk Si và sau FCO-481/198/1 Đăk Hủ; TBA Lâm trường Dục Nông, Đăk Dục 3, Đăk Dục 7	XT481/BOY	0,79	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 481/120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/160 Kon Klor	XT 481/KTU	1,82	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA: Kon Cheo Leo, Thôn 6 Thị trấn	XT475/KPL	0,14	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO 01-4 TBS Sa Bình đến TBA Bình Long	XT473/KTU	0,3	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA Từ FCO 09-4 KP 2 đến hết TBA KP2	XT 477/ĐHA	0,585	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Bùng bình Pô Kô, Đăk Rao 1	XT 475/TM	0,44	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA sau FCO-477/14/1 Đăk Văn	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 5-

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Kon Plông	TBA Công nghệ cao	XT477/KPL	0,16	ĐL Kon Plông	Nhóm 2
Đăk Gleï	Các TBA: Đăk Pét 2, Đăk Ven A	XT481/BOY	0,26	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA: Pleikân, Trung tâm thương mại, Lâm trường Sa Loong, Lâm trường Sa Loong 1	XT471/BOY	0,79	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến đi Chư Hem	XT 374/IGRAI	2,62	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đại Lộc	XT483/KTU	0,14	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/250/1 Sa Nghĩa đến TBA Anh Dũng 2	XT472/KTU	0,3	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA sau FCO 07-4 Đăk Uy đến hết TBA TDP 8	XT 477/ĐHA	0,6	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 1, Cao su Diên Bình	XT 477/TM	0,45	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Tái định cư Tu Thố	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 5- Nhóm 3
Kon Plông	Các TBA sau FCO 19/5-4 Đập Thượng Kon Tum	XT477/KPL	0,16	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Đăk Gleï 3, TBA Đăk Gleï 1	XT481/BOY	0,26	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Thuận Lợi 1	XT471/BOY	0,79	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 481/120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/160 Kon Klor	XT 481/KTU	1,82	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA: T8 Đăk Ruông, làng Kon Sờ Rệt	XT483/KTU	0,14	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau Phân đoạn 03-4 Làng Chốt đến TBA Sơn An 3	XT473/KTU	0,3	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA sau từ FCO 04-4 T6 Đăk La đến hết TBA Kà Săm	XT 473/ĐHA	0,67	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Huỳnh Đăng Thợ, Khối 1	XT 475/TMKT	0,45	ĐL Đăk Tô	Mức 5- Nhóm 4
Tu Mơ Rông	Các TBA sau FCO-477/56/1 BA TU	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA sau FCO 02-4 Kíp La	XT477/KPL	0,16	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA: Đăk Gleï 5, Đăk Ra, Măng Rao	XT481/BOY	0,26	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Cao su Đại Lợi 2	XT471/BOY	0,79	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/185 Plei Ngol đến MC 473/262 Cao su Ia Chim	XT 473/KTU2	2,48	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Thôn 7A Đăk Tờ Re	XT483/KTU	0,14	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau Phân đoạn 21-4 Nhà máy Nước Sa Thầy - 320kVA	XT472/KTU	0,3	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết FCO 01-4 T2 Đăk Hring	XT 481/ĐHA	0,67	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Tô	TBA Mầm non Sao Mai	XT 473/DTO	0,34	ĐL Đăk Tô	
	TBA Khối 6 XBT	XT 475/TM	0,1		
Tu Mơ Rông	TBA XC Ngọc Linh	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 5- Nhóm 6
Kon Plông	Các TBA sau FCO 148-4 Nước Niêu	XT477/KPL	0,16	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Đăk Gô 1, Đăk Gô 2, Đăk Gô 3	XT481/BOY	0,26	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA sau FCO-481/181/1 Đăk Si; Các TBA sau FCO-481/198/1 Đăk Hú; Các TBA: Lâm trường Dục Nông, Đăk Dục 3, Đăk Dục 7	XT481/BOY	0,79	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến đi Chư Hem	XT 374/IGRAI	2,62	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA: Kon Cheo Leo 1, Ngọc Tem	XT475/KPL	0,14	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/268/69 Làng Răk	XT473/KTU	0,3	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	0,75	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Khối phố 8	XT 473/DTO	0,34	ĐL Đăk Tô	
	TBA Trần Phú	XT 475/TM	0,1		
Tu Mơ Rông	TBA XD Nhà máy thủy điện Đăk Lây	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 5- Nhóm 7
Kon Plông	Các TBA sau FCO 30-4 Đăk Lâng	XT477/KPL	0,16	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Thạch Anh Sa, Đăk Tung	XT481/BOY	0,26	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Thuận Lợi 1	XT471/BOY	0,79	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 481/120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/160 Kon Klor	XT 481/KTU	2,28	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA: Xí nghiệp 1/5, Kon Du	XT475/KPL	0,14	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/42/3 Làng Chốt	XT473/KTU	0,3	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ FCO 02-4 T10 Đăk Mar đến hết TBA Hồ C6A	XT 481/ĐHA	0,76	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Dân tộc nội trú, Thôn 7 Đăk Tô	XT 477/ĐTO	0,45	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Cấp nước 1	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA sau FCO 01-4 Vi Rơ Ngoe	XT477/KPL	0,2	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA sau FCO-481/723/31 La Lua	XT481/BOY	0,31	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Cao su Đại Lợi 2	XT471/BOY	0,95	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/185 Plei Ngol đến MC 473/262 Cao su	XT 473/KTU2	2,88	ĐL Tp. Kon Tum	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Ia Chim				
Kon Rẫy	TBA Bưu Điện	XT475/KPL	0,17	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/268/76 Làng Rắc đến TBA Làng chấp	XT473/KTU	0,36	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ FCO 01-4 T13 Đăk Hring đến hết TBA Xay đá Thành An	XT 481/ĐHA	0,765	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 5, Khóm 6; Đăk Rao Nhỏ	XT 475/TM	0,55	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA sau FCO-477/7/49 KOXIA 2	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 6- Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA sau FCO 11-4 Đăk Y Bai	XT477/KPL	0,2	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA sau FCO-481/704 XD Đức Tiến	XT481/BOY	0,31	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA: Lê Văn Thảo; Dương Thị Huệ	XT473/BOY	0,95	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471/31 T9 Ia Toi đi thôn 9 Ia Toi	471/IGRAI	2,87	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Thôn 9 Đăk Ruông, Các TBA sau FCO-475/203 T11 ĐĂK RUÔNG	XT483/KTU	0,17	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Tinh bột sắn Sa Nhơn 3	XT473/KTU	0,36	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ DCL 32-4 T4 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi	XT 481/ĐHA	0,787	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Thôn 4 Diên Bình, Diên Bình 9	XT 477/TM	0,53	ĐL Đăk Tô	Mức 6- Nhóm 3
Tu Mơ Rông	Các TBA sau FCO-477/4/1 Hà Lãng	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA sau FCO 01-4 Kon Vong Kia 1+2	XT477/KPL	0,2	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA: Xí nghiệp gỗ, Đăk Gleï 7, BHXH huyện	XT481/BOY	0,31	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA: Plei Kần, Trung tâm thương mại, Lâm trường Sa Loong, Lâm trường Sa Loong 1, Hoàng Thị Loan	XT471/BOY	0,95	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/185 Plei Ngol đến MC 473/262 Cao su Ia Chim	XT 473/KTU2	2,88	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau FCO-475/250 Thôn 6 Tân Lập	XT475/KPL	0,17	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Tinh bột sắn Sa Nhơn 4	XT473/KTU	0,36	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA sau FCO 01-4 T7 Ngọc Wang đến hết TBA T8/2 Ngọc Wang	XT 471/ĐHA	0,9	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khu dân cư Trung đoàn 24, Thôn 2 Tân Cảnh, Tân Cảnh	XT 475/ĐTO,	0,55	ĐL Đăk Tô	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	2, Tân Cảnh 3, Tân Cảnh 4, Khu dân cư T2 Tân Cảnh	XT 471/ĐTO			
Tu Mơ Rông	Các TBA sau FCO-477/4/1 Ngọc La	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 6-Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA sau FCO 01-4 Hiếu 4	XT477/KPL	0,2	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Đăk Pét 2, Đăk Pét 3, Đăk Glei 6	XT481/BOY	0,31	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: Nhà máy cao su số 5, Tân Bình 1	XT471/BOY	0,95	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/185 Plei Ngol đến MC 473/262 Cao su Ia Chim	XT 473/KTU2	2,88	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau FCO-475/242A/1 Nam Hà	XT475/KPL	0,17	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau FCO-473/42/3 Làng Chốt	XT473/KTU	0,36	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ LBS 477/186/2 T2 Hà Mòn đến hết TBA Hà Mòn 3-1	XT 477/ĐHA	0,91	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Tân Cảnh 5, Thôn 6 Tân Cảnh, Công ty Cổ Phần Dương Gia, Tân Cảnh 8	XT 475/ĐTO	0,55	ĐL Đăk Tô	Mức 6-Nhóm 5
Tu Mơ Rông	Các TBA: Đăk Sao 4, Đăk Na 3	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA sau FCO 24-4 Kon Sũk	XT477/KPL	0,2	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Đăk Ra, Pen Seng Pen, Pen Seng Pen 2, Đăk Đoát	XT481/BOY	0,31	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: Nhà máy cao su Ngọc Hồi; Mỏ đá Đức Tiến	XT471/BOY	0,95	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471/31 T9 Ia Toi đi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	2,87	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/7/6 T5 THỊ TRẦN	XT475/KPL	0,17	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau FCO-473/190/1 Bình Trung	XT473/KTU	0,36	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Đăk Hà 4, từ FCO 01-4 T2 Đăk Hà đến hết TBA Long Loi	XT 477/ĐHA	0,69	ĐL Đăk Hà	Mức 6-Nhóm 6
Đăk Tô	Các TBA: Khối 5, Khối 7XBT, Khối 9, Đăk Rao Nhỏ (475TM)	XT 475/TM	0,53	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Tờ Kan 5; TBA UB Đăk Rơ Ông	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA sau FCO 12-4 Kon Rẫy	XT477/KPL	0,2	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Công an huyện, Đăk Glei 1-1	XT481/BOY	0,31	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: Thuận Lợi 1, Thôn 5	XT471/BOY	0,95	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/185 Plei Ngol đến MC 473/262 Cao su Ia Chim	XT 473/KTU2	2,88	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/5/2 Trà Bồng	XT475/KPL	0,17	ĐL Kon Rẫy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/190/150 Tân Sang	XT472/KTU	0,36	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ MC 475/107 T4 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Ho Đre; TBA T7A Ngọc Wang	XT 471/ĐHA	0,93	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 5, Kon Đào 6, Cấp nước Đăk Tô, Khối 6 XBT	XT 477/DTO	0,53	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Cấp nước 1	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 7- Nhóm 1
Kon Plông	Các TBA sau FCO 03-4 Kon Rẫy	XT477/KPL	0,23	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA từ sau CO-481/723/31 La Lua, TBA Đăk Choong 2	XT481/BOY	0,36	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; TBA Hoàng Thị Loan; TBA Thôn 2 Plei Kần	XT471/BOY	1,1	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 Nhà máy Đường đến Vinh Quang	XT 476/KTU	3,24	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/53/1 Kon Vang	XT475/KPL	0,2	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau FCO-473/190/1 Bình Trung	XT473/KTU	0,42	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ FCO 01-4 T2 Đăk Mar đến hết TBA T2 Đăk Mar, TBA Đăk Hà 9	XT 481/ĐHA	0,81	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Mâm non Sao Mai; Bồn bình Pô Kô; Huỳnh Đăng Thờ; Huỳnh Đăng Thờ 2	XT475/TM	0,65	ĐL Đăk Tô	Mức 7- Nhóm 2
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/25/1 Tu Cấp, TBA Tu Mơ Rông 1, TBA Tu Mơ Rông 3	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA sau FCO 21-4 Kon Chốt	XT477/KPL	0,23	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA: Thi công cầu 16/5, Đông Sông, Đông Thượng	XT481/BOY	0,36	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA: Lê Văn Thảo, Dương Thị Huệ, Trung tâm thương mại	XT473/BOY	1,1	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 Nhà máy Đường đến Vinh Quang	XT476/KTU	3,24	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,2	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Hai Bà Trưng	XT473/KTU	0,42	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ FCO 09-4 KP 2 đến hết TBA KP2, TBA T1 Đăk Hà	XT 473/ĐHA	0,825	ĐL Đăk Hà	Mức 7- Nhóm 3
Đăk Tô	Các TBA: Toàn Anh Khang, Sâm Ngọc Linh, Khối 8, Thôn 7, Đăk Rao 1	XT475/TM	0,65	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA TĐC Tu Thố	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Tân Hưng	XT477/KPL	0,23	ĐL Kon Plông	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Glei	TBA Xí Nghiệp Gỗ, TBA Đăk Pô Cô, TBA Đăk Trấp	XT481/BOY	0,36	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Cao su Vạn Phát, Tổ 10 Đăk Mốt; mỏ đá Đức Tiến	XT471/BOY	1,1	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471/31 T9 Ia Tơi đi thôn 9 Ia Tơi	XT471/IGRAI	3,27	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau FCO-475/250 T6 Tân Lập	XT475/KPL	0,2	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau MC 473/53/1 Sa Sơn	XT473/KTU	0,42	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: từ FCO 07-4 Đăk Uy đến hết TBA TDP 8, TBA T2A Đăk Mar	XT 477/ĐHA	1	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Mầm non Sao Mai, Sân vận động, Khối 9; Bùng bình	XT475/TM	0,65	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Sâm Ngọc Linh	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 7- Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA sau FCO 52-4 Đăk Long	XT477/KPL	0,23	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA: Điện Gió Tân Tấn Nhật, Đăk Ba, Prông Mẹt	XT481/BOY	0,36	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: Đại Lợi 3; CS Sơn Hùng Phát	XT471/BOY	1,1	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT476/KTU	3,24	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau FCO-475/53/1 Kon Vang	XT475/KPL	0,2	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau LBS 473/202 Bình Nam	XT473/KTU	0,42	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 04-4 T6 Đăk La đến hết TBA Kà Sâm, TBA Đăk La 2	XT 473/ĐHA	0,92	ĐL Đăk Hà	Mức 7- Nhóm 5
Đăk Tô	Các TBA: Hùng Vương; Xí nghiệp Gỗ; Trạm bơm; Trần Phú	XT475/TM	0,61	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA XC Ngọc Linh	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA FCO 01-4 Đập Dâng	XT477/KPL	0,23	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Gô 1, TBA Đăk Gô 2, TBA TĐC Đăk Túc	XT481/BOY	0,36	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: HTX Vạn Thành; Trạm trộn bê tông nóng	XT479/BOY	1,1	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT476/KTU	3,24	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,2	ĐL Kon Rẫy	Mức 7-
Sa Thầy	Các TBA từ sau FCO-473/268/69 Làng Răk	XT473/KTU	0,42	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết FCO 01-4 T2 Đăk Hring, TBA T11 Đăk Hring	XT 481/ĐHA	0,92	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 8; TT Dạy nghề; Kon Cheo 2; Khối 3; Bệnh viện	XT477/DTO	0,61	ĐL Đăk Tô	Mức 7-
Tu Mơ Rông	TBA XD NMTĐ Đăk Lây	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO 91/1-4 Xưởng Cơ Khí	XT477/KPL	0,23	ĐL Kon Plông	Nhóm 6
Đăk Glei	TBA XD Long Nang, TBA Đăk Chung 2	XT481/BOY	0,36	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: Thuận Lợi 1; Đăk Mốt	XT471/BOY	1,1	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471/31 T9 Ia Toi đi thôn 9 Ia Toi	471/IGRAI	3,27	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/250 T6 Tân Lập	XT475/KPL	0,2	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 473/53/1 Sa Sơn	XT473/KTU	0,42	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui, TBA T8 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	0,85	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 1; Diên Bình 3; Các TBA từ sau FCO-477/345/18 Xóm Chùa	XT477/TM	0,65	ĐL Đăk Tô	Mức 7- Nhóm 7
Tu Mơ Rông	TBA Cấp nước 1	XT477/DTO	0,14	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA sau FCO 228/14-4 Đi Tu Nông 1	XT477/KPL	0,23	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Chung 1, TBA Đăk Poi, TBA Long Nang, TBA TĐC Long Nang	XT481/BOY	0,36	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: NMCS Ngọc Hồi; Mỏ đá Đức Tiến	XT471/BOY	1,1	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT476/KTU	3,24	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA FCO-475/53/1 Kon Vàng	XT475/KPL	0,2	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Tinh bột sắn Sa Nhon 4	XT473/KTU	0,42	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ FCO 02-4 T10 Đăk Mar đến hết TBA Hồ C6A, TBA T2B Đăk Mar	XT 481/ĐHA	1,01	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Huỳnh Đăng Thơ; Khối 7 XBT; Kon Cheo, Hoàng Thị Loan; Kon Đào 6	XT477/ĐTO	0,66	ĐL Đăk Tô	Mức 8- Nhóm 1
Tu Mơ Rông	TBA Nhà máy	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA sau FCO 06-4 hầm chính Nước Long	XT477/KPL	0,26	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481/582/1 Đông Sông	XT481/BOY	0,41	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương	XT471/BOY	1,27	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471/31 T9 Ia Toi đi thôn 9 Ia Toi	XT471/IGRAI	3,67	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,22	ĐL Kon Rẫy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Sa Thầy	Các TBA sau MC 473/53/1 Sa Sơn	XT473/KTU	0,5	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T13 Đăk Hring đến hết TBA Xay đá Thành An, TBA T10 Đăk Hring	XT 481/ĐHA	1,015	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Trường THPT Dân tộc nội trú; Đăk Rao Nhỏ; Sâm Ngọc Linh; Hùng Vương; Sân Vận Động	XT473/DTO	0,75	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Khu phụ trợ 3	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 8-Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA sau FCO 223-4 Măng Loa	XT477/KPL	0,26	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thạch Anh Sa, TBA Đăk Glei 1, TBA Đăk Glei 1-1	XT481/BOY	0,41	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA T1 TBS Ngọc Hồi	XT479/BOY	1,27	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT476/KTU	3,24	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA: FCO-475/250 T6 Tân Lập	XT475/KPL	0,22	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Trường Chinh, Trường Chinh 2, Điện Biên Phủ 2 và 3	XT473/KTU	0,48	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ DCL 32-4 T4 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi; TBA Đăk Hring 1	XT 481/ĐHA	0,965	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA sau MC 475/346/01A TT Pô Cô đến MC 479/15 RG Đăk Tô Sa Thầy	XT475/TM	0,7	ĐL Đăk Tô	Mức 8-Nhóm 3
Tu Mơ Rông	TBA T3 Đăk Pxi 2B	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Dê sữa	XT477/KPL	0,26	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Công an huyện, TBA Xí nghiệp gỗ	XT481/BOY	0,41	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA FCO 01-4 CS Đại Lợi	XT471/BOY	1,27	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471/31 T9 Ia Tơi đi thôn 9 Ia Tơi	XT471/IGRAI	3,87	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA FCO-475/53/1 Kon Vang	XT475/KPL	0,22	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Sa Thầy 4, Trần Hưng Đạo 1, Trần Hưng Đạo 4, Trần Hưng Đạo 5	XT473/KTU	0,48	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ FCO 01-4 T7 Ngọc Wang đến hết TBA T8/2 Ngọc Wang	XT 471/ĐHA	0,92	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA sau MC 477/100/04 Đăk Sanh đến TBA Đăk Sing	XT473/ĐTO	0,7	ĐL Đăk Tô	Mức 8-Nhóm 4
Tu Mơ Rông	Các TBA sau FCO-477/123/52A ĐĂK RIỀP, TBA Đăk Tờ Kan 2, TBA UB Đăk Tờ Kan	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Kon Plông	TBA Đăk Snghe 1	XT477/KPL	0,26	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thi Công cầu 16/5, TBA Đông Sông, TBA Đông Thượng, TBA Thôn 14B	XT481/BOY	0,41	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	1,27	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	XT475/KTU	3,61	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,22	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Nhơn An (100), Nhơn An 2 (100), Nhơn Đức (100), Nhơn Lý (100), Nhơn Khánh (100)	XT473/KTU	0,48	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ LBS 477/186/2 T2 Hà Môn đến hết TBA Hà Môn 3-1	XT 477/ĐHA	0,91	ĐL Đăk Hà	
Tu Mơ Rông	TBA XD Đồng Tâm	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Hoa Sim	XT477/KPL	0,26	ĐL Kon Plông	Mức 8- Nhóm 5
Đăk Glei	TBA XD Đức Tiến, TBA Đông Lốc 1	XT481/BOY	0,41	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA sau FCO C97/99/75/1-4 NMCS số 5; TBA Tân Bình 1	XT471/BOY	1,27	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471/31 T9 Ia Toi đi thôn 9 Ia Toi	471/IGRAI	3,67	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau FCO-475/250 T6 Tân Lập	XT475/KPL	0,22	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA: Thôn 5 TT Sa Thầy (100), TBA Thôn 5-2 (100) Làng Chốt (100), Làng Chốt 2 (100), Làng Lung 2 (100),	XT473/KTU	0,48	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA: Từ FCO 01-4 T2 Đăk Hà đến hết TBA Long Loi	XT 471/ĐHA	0,93	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau MC 475/107 T4 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Hơ Đre	XT 475/ĐHA			
Đăk Tô	Các TBA: Khối 5; Xí nghiệp gỗ; A Tua; Khối 6 XBT; Diên Bình 5	XT475/TM	0,72	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Nhà Máy	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 8- Nhóm 6
Kon Plông	TBA NĐH TĐ Nam Vao 2	XT477/KPL	0,26	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao	XT481/BOY	0,41	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	1,27	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 471/31 T9 Ia Toi đi thôn 9 Ia Toi	XT475/KTU	3,67	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau FCO-475/53/1 Kon Vang	XT475/KPL	0,22	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA MC 473/53/1 Sa Sơn	XT473/KTU	0,5	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T2 Đăk Mar đến hết TBA T2 Đăk Mar	XT 481/ĐHA,	0,53	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Các TBA từ sau FCO 09-4 KP 2 đến hết TBA KP2	XT 473/ĐHA	0,55		
Đăk Tô	Các TBA: Khối 5; TT Dạy Nghề; Trần Phú; Khối 8	XT475/TM	0,7	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO 01-4 Ngọc La	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 9-Nhóm 1
Kon Plông	TBA TD Thượng Kon Tum	XT477/KPL	0,3	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA từ sau LBS 481/26/193 NB N.Linh	XT481/BOY	0,47	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA T1 TBS Ngọc Hồi	XT479/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	XT475/KTU	4,07	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 1, TBA Làng Kon Nhen	XT475/KPL	0,25	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 473/268/65 Làng Răk đến TBA Làng Cháp	XT473/KTU	0,54	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 07-4 Đăk Uy đến hết TBA TDP 8, TBA T2A Đăk Mar, TBA T3 Đăk Mar	XT 477/ĐHA	1,16	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Mầm non Sao Mai; Huỳnh Đăng Thợ; Khối 5; Xí Nghiệp Gỗ	XT477/DTO	0,8	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA ĐC Tu Thố, TBA Đăk Hà 4, TBA Đăk Hà 5	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 9-Nhóm 2
Kon Plông	TBA Hầm Phụ 1 Đăk Robaye	XT477/KPL	0,3	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA từ sau FCO-481/723/31 La Lua, TBA Xí Nghiệp Gỗ	XT481/BOY	0,47	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi	XT471/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	XT475/KTU	4,07	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng, TBA Thôn 9 Đăk Ruồng	XT475/KPL	0,25	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA: Sa Nghĩa, TBA Kleng 3, Kleng 2, Kleng, CDC T1.	XT472/KTU	0,54	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 04-4 T6 Đăk La đến hết TBA Cà Sâm, TBA T5 Đăk La, TBA Ngô Trang, TBA T7 Đăk La	XT 473/ĐHA	1,03	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 8; Mầm non Sao Mai; Dân Tộc Nội Trú; Khối 6 XBT	XT477/DTO	0,8	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/37/1 Đăk Na 2	XT477/DTO	0,27	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 9-Nhóm 3
Kon Plông	TBA Măng Đen Green	XT477/KPL	0,3	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Xí nghiệp gỗ, TBA Đăk Pô Cô, TBA Đăk Tráp, TBA Đăk Gleï 8, TBA Thôn 14B	XT481/BOY	0,47	ĐL Đăk Gleï	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng và Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương	XT471/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh,	XT476/KTU	2,3	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT481/KTU	1,76		
Kon Rẫy	TBA Lâm Viên, TBA Thôn 6A Tân Lập	XT475/KPL	0,25	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA: Sa Thầy 3 (180), Điện Biên Phủ 1 (100), Trần Hưng Đạo 5 (100), Kleng (100), CDC T1(100)	XT473/KTU	0,54	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết FCO 01-4 T2 Đăk Hring, Từ FCO 01-4 Tân Lập đến hết TBA Nguyễn Văn Thanh	XT 481/ĐHA	1,03	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Bùng bình; Khối 9; Sâm Ngọc Linh; Toàn An Khang	XT473/DTO	0,8	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA XD Đồng Tâm	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-474/105/119	XT474/KPL	0,3	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Glei 6, TBA Pen Seng Peng, TBA Đăk Đoát	XT481/BOY	0,47	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi; TBA Đăk Mốt 1	XT471/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 Gạch KM8 vào khu lò gạch	XT475/KTU	4,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đại Lộc 1; TBA Đại Lộc	XT483/KTU	0,25	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Thôn 4 Sa Thầy (100), Hàm Nghi (100), TBA Lê Duẩn 2 (100), TBA UB Sa Sơn (100), Sa Sơn 1 (100), Thôn 2 Sa Sơn (50)	XT473/KTU	0,54	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui và Các TBA từ sau FCO 31/1-4 Đăk Kđem đến hết TBA Xóm 4 Đăk Kđem	XT 471/ĐHA	1,085	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau DCL 477-7/302 T4 Diên Bình đến RG Đăk Tô - Đăk Hà	XT477/TM	0,79	ĐL Đăk Tô	Mức 9- Nhóm 5
Tu Mơ Rông	TBA Nhà Máy	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO 06-4 hầm Chính Nước Long	XT477/KPL	0,3	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Gô 1, TBA Đăk Gô 2, TBA TĐC Đăk Túc, TBA Đăk Ba, TBA Đăk Bo 1	XT481/BOY	0,47	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: HTX Vạn Thành; Trạm trộn bê tông nóng; Mỏ đá Đức	XT479/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Tiến				
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh	XT476/KTU	2,06	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA từ sau sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT481/KTU	2,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/250 T6 Tân Lập	XT475/KPL	0,25	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau DCL 472-7/349/15 Nhơn An đến DCL 472-7/63/01 Sa Nhơn	XT472/KTU	0,54	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 02-4 T10 Đăk Mar đến hết TBA Hồ C6A và Các TBA từ sau FCO 01-4 T2 Đăk Mar đến hết TBA T2A Đăk Mar	XT 481/ĐHA	1,32	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 475/346/01A TT Po Ko đến MC 479/15 RG Đăk Tô- Sa Thầy	XT475/TM	0,84	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Khu Phụ Trợ 3	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 9- Nhóm 6
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-474/224/1 Đi Pờ Ê 4	XT474/KPL	0,3	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA từ sau FCO-481/643/2 NB Đăk Pét, TBA CA Huyện	XT481/BOY	0,47	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA T1 TBS Ngọc Hồi	XT479/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	XT475/KTU	4,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Kon Cheo Leo; TBA Kon Cheo Leo 2	XT475/KPL	0,25	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau FCO-473/268/76 Làng Răk đến TBA Làng Cháp	XT473/KTU	0,54	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T13 Đăk Hring đến hết TBA Xây đá Thành An; TBA Nguyễn Du, TBA Bể Văn Đàn	XT 481/ĐHA	1,08	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBS 477/345/9 T3 Diên Bình 477-7/302 T4 Diên Bình	XT477/TM	0,8	ĐL Đăk Tô	Mức 9- Nhóm 7
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/49A/11 TĐC Tu Thố, TBA XDNMTĐ Đăk Lây	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-471/85/4 ĐI T8 N.Tem	XT471/TKT	0,3	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Đăk Gleï 5, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA Đăk Gleï 3	XT481/BOY	0,47	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA: Thuận Lợi 1; Đăk Mốt; cao su Vạn Phát	XT479/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh,	XT476/KTU	2,06	ĐL Tp. Kon Tum	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT481/KTU	2,0		
Kon Rẫy	TBA Thôn 7A Đăk Tờ Re	XT483/KTU	0,25	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau FCO-473/268/61 Làng Răk đến TBA Làng O 3	XT473/KTU	0,54	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 475/107 T4 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Hơ Đre, TBA T4 Ngọc Wang, TBA Kon Gu 1, TBA T5 Ngọc Wang và Các TBA từ sau FCO 01-4 T6 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Gu 2	XT 471/ĐHA	1,275	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau FCO-477/345/18 XÓM CHÙA; Các TBA: Diên Bình 1; Cấp nước Thôn 3 Diên Bình	XT477/TM	0,8	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA T1 Đăk Pxi 2B	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 10- Nhóm 1
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/75/74 đi dê sữa	XT477/KPL	0,33	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau LBS 481/26/155 Làng Đung	XT481/BOY	0,52	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau LBS 471/86/14 Thôn 3 Đăk Kan; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương	XT471/BOY	1,59	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	XT475/KTU	4,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Bưu Điện; TBA Ngọc Tem	XT475/KPL	0,28	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBS Sa Nhơn 3 - 630kVA và TBS Sa Nhơn 4 - 630kVA	XT473/KTU	0,6	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Tổ 3 TT Đăk Hà đến hết TBA Làng Nghè 2	XT 475/ĐHA	1,18	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau FCO 01-4 Xay đá 501; TBA Thôn 1 Tân Cảnh	XT475/ĐTO	0,88	ĐL Đăk Tô	Mức 10- Nhóm 2
Tu Mơ Rông	TBA XD Đồng Tâm	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Làng Nghè Kon Năng	XT477/KPL	0,33	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Điện Gió Đăk Môn, TBA Đăk Ba, TBA Prông Mệt, TBA Đăk Gô 1	XT481/BOY	0,52	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa	XT471/BOY	1,59	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh,	XT476/KTU	2,06	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT481/KTU	2,0		
Kon Rẫy	TBA T3 Thị Trấn; TBA Măng Đen; TBA Thôn 9 Thị Trấn	XT475/KPL	0,28	ĐL Kon Rẫy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 473/64/04 Ya Xia	XT473/KTU	0,78	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T7 Ngọc Wang đến hết TBA T8/2 Ngọc Wang, Các TBA từ sau FCO 87/15/1 CCN Đăk La đến TBA Xử lý nước thải Đăk La	XT 471/ĐHA	1,25	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/28/71 Đăk Tông đến MC 477/168/01 Đăk Kon	XT477/DTO	0,88	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Nhà Máy	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 10- Nhóm 3
Kon Plông	TBA KS Măng Đen	XT477/KPL	0,33	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Thạch Anh Sa, TBA Đăk Tung, TBA Long Nang, TBA TĐC Đăk Chung	XT481/BOY	0,52	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT471/BOY	1,59	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	XT475/KTU	4,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Thôn 7A Đăk Tờ Re;	XT483/KTU;	0,28	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 473/53/1 Sa Sơn	XT473/KTU	0,5	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau LBS 477/186/2 T2 Hà Mòn đến hết TBA Hà Mòn 3-1, Các TBA từ sau FCO 01-4 T6 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Gu 2	XT 477/ĐHA	1,185	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/28A/3 Kon PRing đến MC 477/28/71 Đăk Tông	XT477/DTO	0,88	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBFCO-477/134 Cấp nước	XT477/DTO	0,2	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 10- Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA từ sau MC 471/39A/1 TĐ Đăk Rơ Baye	XT471/TKT	0,33	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Đăk Gô 1, TBA Đăk Gô 2, TBA TĐC Đăk Túc, TBA Đăk Ba, TBA Đăk Bo 1, TBA TĐC Đăk Sút	XT481/BOY	0,52	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA: NMCS Ngọc Hồi; Trạm trộn BTN Nóng; HTX Vạn Thành; Mỏ đá Đức Tiên	XT471/BOY	1,59	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	XT475/KTU	4,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 1; TBA Đăk Ruồng	XT483/KTU	0,28	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 472/63/91A Rời Koi đến MC 472/120/08 Rờ Koi	XT472/KTU	0,6	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T7 Đăk La đến hết TBA Ngô Trang 3	XT 473/ĐHA	1,31	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Tô	Các TBA từ sau FCO-471/101/1 P.Kần Hạ; Các TBA từ sau FCO-471/102/1 T5 Tân Cảnh	XT 471/DTO	0,88	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/46/1 Đăk Kinh	XT477/DTO	0,23	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 10- Nhóm 5
Kon Plông	FCO T3 Hầm Phụ 2	XT477/KPL	0,33	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Xí Nghiệp Gổ, TBA Đăk Pô Cô, TBA Đăk Trấp, TBA Đăk Glei 8, TBA Thôn 14B, TBA Pen Sen Pen	XT481/BOY	0,52	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; TBA Trần Hưng Đạo 1	XT471/BOY	1,59	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh	XT 476/KTU;	2,56	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 481/KTU	2,0		
Kon Rẫy	TBA Đại Lộc; TBA Đại Lộc 1; TBA Tân Lập 5	XT483/KTU	0,28	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau FCO-473/190/1 Bình Trung - hết TBA Bình Long	XT473/KTU	0,6	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T7 Ngọc Wang đến hết TBA T8/2 Ngọc Wang, Các TBA từ sau FCO 01-4 T2 Đăk Hà đến hết TBA Long Loi	XT 471/ĐHA	1,35	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 475/346/01 A TT Po Ko đến MC 479/15 RG Đăk Tô - Sa Thầy	XT 475/TM	0,88	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/42/1 Đăk Psi 2B	XT477/DTO	0,23	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 10- Nhóm 6
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-471/8/1 C.Đầu Mối ĐRB	XT471/TKT	0,33	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thi Công cầu 16/5, TBA Đông Sông, TBA Đông Thượng, TBA Thôn 14B, Đăk Glei 3	XT481/BOY	0,52	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa	XT471/BOY	1,59	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 Gạch KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	4,51	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 2; TBA Thôn 7 Đăk Ruồng	XT483/KTU	0,28	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 472/91 Nghĩa Tân đến MC 472/190/150 Tân Sang và Các TBA từ sau MC479/282 RG ĐH-ST	XT472/KTU	0,6	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau LBS 477/186/2 T2 Hà Môn đến hết TBA Hà Môn 3-1, Các TBA từ sau FCO 01-4 Tân Lập đến hết TBA Nguyễn Văn	XT 477/ĐHA	1,25	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Thanh				
Đăk Tô	TBA Khối 5, TBA Mầm non Sao Mai	XT473/DTO	0,88	ĐL Đăk Tô	
Đăk Tô	Các TBA: Mầm non Sao Mai; Sân vận động; Khối 5; Khối 8; TT Dạy Nghề	XT473/DTO	0,96	ĐL Đăk Tô	Mức 11- Nhóm 1
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Ter 1	XT477/DTO	0,3	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO 01-4 CNN Đăk Rơ Bay E	XT477/KPL	0,36	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleiz	TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Gleiz 6, TBA Pen Seng Peng, TBA Đăk Đoát, TBA Đăk Ra	XT481/BOY	0,57	ĐL Đăk Gleiz	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi; TBA Hội trường thôn 7	XT479/BOY	1,75	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 Gạch KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	4,51	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Lâm Viên; TBA XN 1/5	XT475/KPL	0,31	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 473/268/65 Làng Răk đến TBA Làng Cháp	XT473/KTU	0,66	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T7 Đăk La đến hết TBA Ngõ Trang 3	XT 473/ĐHA	1,31	ĐL Đăk Hà	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBFCO-477/134 Cấp nước	XT477/DTO	0,24	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 11- Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-471/23/1 Hầm phụ ĐRB	XT471/TKT	0,36	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleiz	Các TBA từ sau Phân đoạn 02-4 Ngã ba Đăk Pét, TBA CA Huyện, TBA Đăk Gleiz 7	XT481/BOY	0,57	ĐL Đăk Gleiz	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau LBS 471/86/14 thôn 3 Đăk Kan; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương	XT471/BOY	1,75	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	4,51	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/250 T6 Tân Lập; TBA T6A Tân Lập	XT475/KPL	0,31	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 473/64/04 Ya Xia đến TBA Làng Chờ	XT473/KTU	0,66	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 475/107 T4 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Hơ Đre, TBA T4 Ngọc Wang, TBA Kon Gu 1, TBA T5 Ngọc Wang, Các TBA từ sau FCO 01-4 T6 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Gu 2	XT 471/ĐHA	1,275	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 8; Dân Tộc Nội Trú; Khối 9; Bùng binh, Toàn An Khang; Sầm Ngọc Linh	XT473/DTO	0,96	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO 01-4 Ngọc La	XT477/DTO	0,24	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 11- Nhóm 3
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-471/8/1 C.Đầu mối ĐRB	XT471/TKT	0,36	ĐL Kon Plông	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Glei	Các TBA từ sau LBS 481/26/155 Làng Đung, TĐC Kon Riêng	XT481/BOY	0,57	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA Sa Loong 1	XT471/BOY	1,75	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến T2 thôn Chư Hem,	XT374/IGRAI;	1,91	ĐL Tp. Kon Tum	
Tp. Kon Tum;	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 481/KTU	3,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,31	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	NMCB Mũ cao su số 6 Mo Ray -750kVA	XT472/KTU	0,66	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T7 Đăk La đến hết TBA Ngô Trang 3	XT 473/ĐHA	1,31	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Nguyên Liệu Giấy; Vườn Ươm; FCO-475/26/5 TXĐ Thôn 1	XT 475/DTO	0,96	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/42/1 Mô Bành	XT477/DTO	0,25	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 11- Nhóm 4
Kon Plông	TBA Công nghệ cao	XT477/KPL	0,36	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 5, TBA Đăk Glei 4, TBA Đăk Glei 8, TBA Đăk Ra, TBA Thi công cầu 16/5	XT481/BOY	0,57	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; TBA Công Viên	XT471/BOY	1,75	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 Gạch KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	4,92	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA T8 Đăk Ruồng; TBA Làng Kon Nhen; TBA Đăk Ruồng	XT483/KTU	0,31	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Thôn 4 Sa Thầy (100), Hàm Nghi (100), TBA Phan Bộ Châu (100), TBA Lê Duẩn 2 (100), TBA UB Sa Sơn (100), Sa Sơn 1 (100), Thôn 2 Sa Sơn (50)	XT473/KTU	0,66	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Tổ 3 TT Đăk Hà đến hết TBA Làng Nghè 2, TBA Thôn 1 Đăk Hà	XT 475/ĐHA	1,43	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/28A/3 Kon PRing đến MC 477/28/71 Đăk Tông	XT 477/DTO	0,96	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/25/1 Tu Cáp, TBA Tu Mơ Rông 1	XT477/DTO	0,23	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 11- Nhóm 5
Kon Plông	Các TBA từ sau LBS 477/53/8 Văng Loa	XT477/KPL	0,36	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA CA Huyện, TBA Xí Nghiệp Gỗ, TBA Đăk Glei 3	XT481/BOY	0,57	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi	XT471/BOY	1,75	ĐL Ngọc Hồi	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang;	XT 476/KTU	2,02	ĐL Tp. Kon Tum	Mức 11- Nhóm 6
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	3,0		
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 2; TBA Đại Lộc 1	XT483/KTU	0,31	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Sa Thầy 3 (180), TBA Điện Biên Phủ 1 (100), TBA Trần Hưng Đạo 5 (100), Kà Đur (100), Nhơn An 2 (100), Nhơn An (100)	XT472/KTU	0,66	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 02-4 T10 Đăk Mar đến hết TBA Hồ C6A, Các TBA từ sau FCO 01-4 T2 Đăk Mar đến hết TBA T2A Đăk Mar	XT 481/ĐHA	1,32	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA khối 8, TBA Khối 9	XT 473/DTO	0,96	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA T1 Đăk Pờ Si 2B	XT477/DTO	0,23	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Chế Biếm Gổ KPL	XT477/KPL	0,36	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Điện Gió Đăk Môn, TBA Đăk Ba, TBA Prông Mệt, TBA Đăk Gô 1, TBA Đăk Wắc 2	XT481/BOY	0,57	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA Sa Loong 1	XT471/BOY	1,75	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem,	XT 374/IGRAI	1,91	ĐL Tp. Kon Tum	Mức 11- Nhóm 7
Tp. Kon Tum	Các TBA Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 471/KTU	3,0		
Kon Rẫy	TBA Kon Skôi, FCO 250-4 T6 Tân Lập	XT475/KPL	0,31	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Bến xe (400), Sa Thầy 5 (250)	XT473/KTU	0,66	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 475/107 T4 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Hơ Đre, TBA T4 Ngọc Wang, TBA Kon Gu 1, TBA T5 Ngọc Wang, Các TBA từ sau FCO 01-4 T6 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Gu 2	XT 471/ĐHA	1,275	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/100/4 Đăk Sanh đến TBA Đăk Sing	XT 477/DTO	0,96	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/52/49A Tu Thố, Các TBA từ sau FCO 01-4 Tu Mơ Rông	XT477/DTO	0,3	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/34/1 C.Biến gổ	XT477/KPL	0,36	ĐL Kon Plông	Mức 11- Nhóm 7
Đăk Glei	Các TBA từ sau LBS 481/26/193 NB N.Linh, TBA Làng Mới	XT481/BOY	0,57	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi; TBA hội trường thôn 7	XT479/BOY	1,75	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang;	XT 476/KTU	2,02	ĐL Tp. Kon Tum	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	3,0		
Kon Rẫy	TBA Lâm Viên; FCO-475/242A/1 Nam Hà	XT475/KPL	0,31	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA: TBS Sa Nhơn 4 - 630kVA, TTCX Sa Nhơn (50)	XT472/KTU	0,66	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 02-4 T10 Đăk Mar đến hết TBA Hồ C6A	XT 481/ĐHA	0,6	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau FCO 01-4 T2 Đăk Mar đến hết TBA T2A Đăk Mar	XT 477/ĐHA	0,72		
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 3, Thôn 4 Diên Bình	XT 477/TM	0,96	ĐL Đăk Tô	Mức 12- Nhóm 1
Tu Mơ Rông	TBA XC Ngọc Linh; TBA TĐ Đăkpsi 1	XT477/DTO	0,24	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau MC 473/222/4 RG Sơn Long	XT473/SHA	0,39	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thi Công cầu 16/5, TBA Đông Sông, TBA Đông Thượng, TBA Thôn 14B, Đăk Glei 3, TBA Đăk Glei 1	XT481/BOY	0,62	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: NMCS Ngọc Hồi; Trạm trộn BTN Nóng; HTX Vạn Thành; Mỏ đá Đức Tiên	XT479/BOY	1,91	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	475/KTU	5,41	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,33	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 473/64/04 Ya Xia đến TBA Làng Chờ	XT473/KTU	0,78	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Từ MC 473ĐH đến hết DCL 143-4 T5 Hà Môn	XT 473/ĐHA	1,36	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau FCO-477/143/5 T3 Kon Đào đến Các TBA: Kon Đào 4; Kon Đào 7; Kon Đào 8	XT 477/DTO	1,05	ĐL Đăk Tô	Mức 12- Nhóm 2
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO 01-4 Đăk Vă; Các TBA từ sau FCO 49-4 Tu Thố	XT477/DTO	0,24	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-473/222/2RG Sơn Long	XT473/SHA	0,39	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thạch Anh Sa, TBA Đăk Tung, TBA Long Nang, TBA TĐC Đăk Chung, TBA Đăk Chung 1	XT481/BOY	0,62	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi; TBA Sơn Hùng Phát	XT471/BOY	1,91	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum;	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh,	XT 476/KTU	4,0	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toiđi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,46		
Kon Rẫy	TBA Bưu Điện, TBA Thôn 7A Đăk Tờ Re	XT475/KPL	0,33	ĐL Kon Rẫy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Sa Thầy	Các TBA từ sau FCO-472/56/01 CBM cao su đến TBA CBM CS Số 6	XT472/KTU	0,72	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T7 Đăk La đến hết TBA Ngô Trang 3, Từ FCO 113-4 T2 Đăk La đến hết TBA Làng Thái	XT 473/ĐHA	1,447	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/28A/3 Kon PRing đến MC 477/28/71 Đăk Tông	XT 477/DTO	1,05	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBFCO-477/134 Cấp nước	XT477/DTO	0,24	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 12- Nhóm 3
Kon Plông	TBA Hồ B Đăk Lô	XT477/KPL	0,39	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 5, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA Đăk Glei 3, TBA Xí Nghiệp Gỗ	XT481/BOY	0,62	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA Sa Loong 1; Hào Nưa	XT471/BOY	1,91	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,41	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/53/1 Kon Vang; TBA thôn 9 Thị trấn	XT475/KPL	0,33	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Thiên Thành Tài -750kVA, TBA Cao su Vạn Thành (180)	XT472/KTU	0,72	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 473ĐH đến hết DCL 143-4 T5 Hà Mòn, TBA T5A Hà Mòn	XT 473/ĐHA	1,54	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/28/71 Đăk Tông đến MC 477/167/01 Đăk Kon	XT 477/DTO	1,05	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO 01-4 Ngọc La	XT477/DTO	0,24	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 12- Nhóm 4
Kon Plông	TBA Nghiễn Đá Xã Hiếu	XT477/KPL	0,39	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau LBS 481/26/155 Làng Đung, TBA Đăk Choong 2	XT481/BOY	0,62	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA: NMCS Ngọc Hồi; Trạm trộn BTN Nóng; HTX Vạn Thành; Mỏ đá Đức Tiên; Nông Nhảy 1	XT479/BOY	1,91	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 GẠCH KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,41	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 1; TBA T4 Tân Lập; TBA Đại Lộc 1	XT483/KTU	0,33	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Nghĩa Long (75), Sa Nghĩa (180), TBA Kleng 3 (100) Kleng 2 (100), Kleng (100) và Các TBA từ sau FCO-473/250/1 Sa Nghĩa TBA Anh Dũng 2	XT472/KTU	0,72	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết DCL 32-4 T4	XT 481/ĐHA	1,44	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Đăk Hring				
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC477/28A/3 Kon Pring đến MC 477/28/71 Đăk Tông	XT 477/DTO	1,05	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau MC477-7/7/6 Ngọc Lây	XT477/DTO	0,26	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 12- Nhóm 5
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/36 Sài Gòn MĐ	XT477/KPL	0,39	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau FCO-481/643/2 NB Đăk Pét, TBA Đăk Pô Cô, TBA Đăk Glei 7	XT481/BOY	0,62	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; Các TBA từ sau FCO-471/C97/3 Phan Bội Châu; TBA Nguyễn Sinh Sắc	XT471/BOY	1,91	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum;	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh,	XT 476/KTU	4,0	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toi đi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,46		
Kon Rẫy	TBA T8 Đăk Ruồng; TBA Làng Kon Nhen; TBA Đăk Ruồng	XT483/KTU	0,33	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau FCO-473/20/05 Trường Chinh, TBA ĐBP 2, Các TBA từ sau Phân đoạn 03-4 Làng Chốt TBA Sơn an 3	XT473/KTU	0,72	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 07-4 Đăk Uy đến hết TBA TDP 8, Từ FCO 01-4 T13 Đăk Hring đến hết TBA Xây đá Thành An	XT 477/ĐHA	1,37	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC477/DTO đến DCL 477-7/148/15 T2 Kon Đào	XT 477/DTO	1,05	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBS 477/52/51 Tam Rì	XT477/DTO	0,27	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 12- Nhóm 6
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/204/1 Kon Du	XT477/KPL	0,39	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thạch Anh Sa, TBA Đăk Tung, TBA Long Nang, TBA TĐC Đăk Chung, TBA Đăk Poi	XT481/BOY	0,62	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA Sa Loong 1; Hào Nưa	XT471/BOY	1,91	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 475/84/5 Gạch KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,41	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau LBS 475/161A/1 Đăk Tờ Re, TBA Đăk Tờ Re 2	XT475/KPL	0,33	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 473/64/04 Ya Xia, TBA TTCX Ya Xia	XT473/KTU	0,72	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết DCL 32-4 T4 Đăk Hring	XT 481/ĐHA	1,44	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Tô	Các TBA: T2;T3; T4 Tinh Bột Sắn; FCO-475/26/5 TXĐ Thôn 1	XT 475/DTO	1,05	ĐL Đăk Tô	Mức 13- Nhóm 1
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau MC477-7/123/1 Đăk Na	XT477/DTO	0,3	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Khu NN CN Cao	XT477/KPL	0,43	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thi Công cầu 16/5, TBA Đông Sông, TBA Đông Thượng, TBA Thôn 14B, Đăk Glei 3, TBA Đăk Glei 1, TBA BHXH huyện	XT481/BOY	0,67	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi; TBA Sơn Hùng Phát; Nông Nhảy 2	XT471/BOY	2,07	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT 476/KTU	1,82	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	4,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,4	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/47/37 RG Mô rai - Ia Hđrai	XT472/KTU	0,78	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Bê tông nóng đến hết TBA Trường Anh	XT 475/ĐHA	1,52	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBFCO-471/101/1P.Kăn Hạ; TBA Vườn Ươm; TBA Nguyên Liệu Giấy	XT 471/DTO	1,14	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/5/3 TĐ Đăk Psi 3&4	XT477/DTO	0,26	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 13- Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-474/19/42 C.nghệ cao	XT474/KPL	0,43	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thạch Anh Sa, TBA Đăk Tung, TBA Long Nang, TBA TĐC Đăk Chung, TBA Đăk Chung 1, TBA TĐC Long Nang	XT481/BOY	0,67	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao; TBA Dương Thị Huệ; Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT473/BOY	2,07	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum;	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh,	XT 476/KTU;	4,0	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toiđi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,86		
Kon Rẫy	TBA Thôn 7A Đăk Tờ Re;	XT483/KTU;	0,36	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 473/53/1 Sa Sơn LBS 473/268/65 Làng Rắc	XT472/KTU	0,78	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau LBS 477/186/2 T2 Hà Môn đến hết TBA Hà Môn 3-1,Từ FCO 09-4 KP 2 đến hết TBA KP2	XT 477/ĐHA	1,495	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 475/346/01A TT Po Ko đến MC 479/15 RG Đăk Tô- Sa Thầy	XT 475/TM	1,14	ĐL Đăk Tô	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau MC477-7/56-2/2 Bệnh viện	XT477/DTO	0,27	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 13- Nhóm 3
Kon Plông	TBA NĐH TĐ Thượng Kon Tum	XT477/KPL	0,43	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 5, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA Đăk Glei 3, TBA Xí Nghiệp Gỗ, TBA Đông Thượng	XT481/BOY	0,67	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; Các TBA từ sau FCO-471/C97/3 Phan Bội Châu; TBA: Nguyễn Sinh Sắc; Trần Hưng Đạo	XT471/BOY	2,07	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 472/KTU đến RG Kon Tum-Sa Thầy,	XT 472/KTU	1,82	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	4,0		
Kon Rẫy	TBA Bưu Điện, Các TBA từ sau FCO 108-4 Kon Vang	XT475/KPL	0,36	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Trần Hưng Đạo 1 (100), TTTM Sa Thầy (100), Sa Thầy 2 (400), Hùng Vương (100), Trần Hưng Đạo 4 (100)	XT473/KTU	0,78	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết DCL 32-4 T4 Đăk Hring, TBA Thị tứ 1 Đăk Hring	XT 481/ĐHA	1,62	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Tân Cảnh 1; Tân Cảnh 2; Tân Cảnh 3; Tân Cảnh 4; Tân Cảnh 5; Duy Tân	XT 471/DTO	1,14	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO 01-4 Ngọc La; TBA Làng Mô Pá	XT477/DTO	0,26	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 13- Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-471/85/41 Nhà ĐH TKT	XT471/TKT	0,43	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA CA Huyện, TBA Xí nghiệp gỗ, TBA Đăk Glei 3, TBA Đăk Gei 1	XT481/BOY	0,67	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732	XT471/BOY	2,07	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum;	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh,	XT 476/KTU;	4,0	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toi đi Thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,86		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/242A/1 Nam Hà; TBA Lâm Viên	XT475/KPL	0,36	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Điện Biên Phủ 2 (100), Điện Biên Phủ 3 (100), Trường Chinh (100), Trường Chinh 2 (100), Thôn 5 TT (100), Làng Chốt (100),	XT473/KTU	0,78	ĐL Sa Thầy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Bê tông nóng đến hết TBA Trường Anh	XT 475/ĐHA	1,52	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/100/4 Đăk Sanh đến TBA Đăk Sing; FCO-477/140/5 T3 Kon Đào;	XT 477/DTO	1,14	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO 49A-4 Tu Thố; TBA Mô Pả 2	XT477/DTO	0,26	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 13- Nhóm 5
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477-7/86/125A Kon Tum	XT477/KPL	0,43	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau FCO-481/643/2 NB Đăk Pét, TBA CA Huyện, TBA Đăk Glei 7, TBA Đăk Glei 6	XT481/BOY	0,67	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao; TBA Dương Thị Huệ; Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT473/BOY	2,07	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang;	XT 476/KTU	1,82	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	4,0		
Kon Rẫy	TBA UB xã Tân Lập; TBA T6A Tân Lập; TBA XN 1/5	XT475/KPL	0,36	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Bến xe (400), Sa Thầy 5 (250), CDC T1 (100)	XT473/KTU	0,78	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 473ĐH đến hết DCL 143-4 T5 Hà Môn,	XT 473/ĐHA	1,0	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau FCO 01-4 Tân Lập đến hết TBA Nguyễn Văn Thanh	XT 481/ĐHA	0,72		
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 1; Diên Bình 3; TĐC Thôn 1 Diên bình; Các TBA từ sau DCL 477-7/303/1 Đăk Kang Peng	XT 477/TM	1,14	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau DCL 477-7/52/51 Tam Rim, TBA Kon Tun	XT477/DTO	0,26	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 13- Nhóm 6
Kon Plông	TBA Xay Đá Kon Chen	XT477/KPL	0,43	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Glei 6, TBA Pen Seng Peng, TBA Đăk Đoát, TBA Đăk Ra, TBA Đăk Glei 4	XT481/BOY	0,67	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi	XT471/BOY	2,07	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang;	XT 476/KTU	1,82	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	4,0		
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 2, TBA Đại Lộc	XT475/KPL	0,36	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Hai Bà Trưng (630), Kleng 2 (100)	XT473/KTU	0,78	ĐL Sa Thầy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Hà	Các TBA từ sau LBS 477/186/2 T2 Hà Mòn đến hết TBA Hà Mòn 3-1, Các TBA từ sau FCO 09-4 KP 2 đến hết TBA KP2	XT 477/ĐHA	1,495	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA khối 8, Các TBA: Khối 9, Diên Bình 9	XT 477/TM	1,14	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Ter 1	XT477/DTO	0,3	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 14- Nhóm 1
Kon Plông	TBA Xây Đá Tiến Dung	XT477/KPL	0,46	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Xí Nghiệp Gỗ, TBA Đăk Pô Cô, TBA Đăk Tráp, TBA Đăk Glei 8, TBA Thôn 14B, TBA Pen Sen Pen, TBA Đăk Ra, TBA Đăk Glei 5	XT481/BOY	0,72	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa	XT471/BOY	2,23	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội;	XT 473/KTU	2,37	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	4,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,4	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 472/63/91A Rời Koi	XT472/KTU	0,84	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau DCL 01A-4 471ĐH đến hết MC 471/80 T1 Hà Mòn	XT 471/ĐHA	1,6	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 3, Thôn 4 Diên Bình, Diên Bình 5	XT477/TM	1,23	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau DCL477-7/123/1 Đăk Na	XT477/DTO	0,29	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 14- Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/127 Đăk Lô	XT477/KPL	0,46	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA Đăk Gô 1, TBA Đăk Gô 2, TBA TĐC Đăk Túc, TBA Đăk Ba, TBA Đăk Bo 1, TBA TĐC Đăk Sút, TBA Đăk Ba, TBA Prông Mệt 1	XT481/BOY	0,72	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao; TBA Dương Thị Huệ; Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,23	ĐL Tp. Kon Tum	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/KTU đến RG Kon Tum-Sa Thầy,	XT 473/KTU	2,11		
	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình - 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	5,0		
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruông 1; TBA Đăk Ruông; TBA Kon Skôi	XT483/KTU	0,39	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/47/37 RG Mô rai - Ia Hđrai	XT472/KTU	0,9	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Bê tông nóng đến hết TBA Trường Anh,	XT 475/ĐHA	1,84	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	TBA Gổ ván lạng Vinh Dung				
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477 Đăk Tô đến DCL 477-7/148/15 T2 Kon Đào	XT 477/DTO	1,23	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Tờ Kan 1; TBA Đăk Tờ Kan 2; TBA Đăk Tờ Kan 5	XT477/DTO	0,285	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 14- Nhóm 3
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/46/1 HOÀNG VŨ	XT477/KPL	0,46	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau FCO-481/723/31 La Lua, TBA Xí Nghiệp Gổ, TBA Đăk Pét 2	XT481/BOY	0,72	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi; TBA Sơn Hùng Phát; Nông Nhảy 2, Nông Nhảy 1	XT471/BOY	2,23	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum;	Các TBA: Từ sau MC 473/KTU2 đến TBA Nhà máy mủ CS Ia Chim,	XT 473/KTU2,	5,0	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toiđi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI;	1,51		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau LBS 475/161A/1 Đăk Tờ Re; TBA Đăk Tờ Re 2; TBA Kon Ko Long	XT483/KTU	0,39	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Sa Nghĩa (180), TBA Kleng 3 (100) Kleng 2 (100), Kleng (100), CDC T1(100), Sa Thầy 5 (250)	XT472/473KTU	0,84	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết DCL 32-4 T4 Đăk Hring, TBA Thị tứ 1 Đăk Hring	XT 481/ĐHA	1,62	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/100/4 Đăk Sanh đến TBA Đăk Sing; FCO-477/140/5 T3 Kon Đào	XT 477/DTO	1,23	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau DCL477-7/52/55 Đăk Viên, TBA Đăk Hà 4	XT477/DTO	0,29	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 14- Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/212A/54 Long Lũa	XT477/KPL	0,46	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 7, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA Đăk Glei 3, TBA CA Huyện, TBA Đông Thượng, TBA Đông Thượng	XT481/BOY	0,72	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; các TBA: Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú	XT471/BOY	2,23	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội;	XT 473/KTU	2,67	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	4,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/242A/1 Nam Hà; TBA Lâm Viên; TBA Tân Lập 4	XT475/KPL	0,39	ĐL Kon Rẫy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Sa Thầy	Các TBA Hai Bà Trưng (630), Kleng (100), Kleng 2 (100), Thôn 5-2	XT473/KTU	0,84	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngõ Trang đến hết TBA Ngõ Trang 3	XT 473/ĐHA	1,64	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBS 473/54-1/21 TT Đăk Tô đến DCL 475-7/45 Tân Mai; TBA: Rạng minh 1 và Rạng Minh 2	XT 475/TM	1,23	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA XD Đồng Tâm, FCO 01-4 Ba Tu	XT477/DTO	0,28	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 14- Nhóm 5
Kon Plông	Các TBA từ sau LBS477/212A/53 Măng Bút 2	XT477/KPL	0,46	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau LBS 481/26/155 Làng Đung, TBA Đăk Chooong 2, TBA Làng Bê Rê	XT481/BOY	0,72	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao; TBA Dương Thị Huệ; Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT473/BOY	2,23	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	7,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Bưu Điện; TBA T2 Thị trấn	XT475/KPL	0,39	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Xây đá Cũ Long - (250), Bình Trung (50), Bình trung 2 (100), UB Sa bình (160), Bình An (100), Trạm Bơm (100)	XT473/KTU	0,84	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 473ĐH đến hết DCL 143-4 T5 Hà Mòn	XT 473/ĐHA	1,0	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau FCO 01-4 T6 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Gu 2	XT 471/ĐHA	0,65		
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 3, Thôn 4 Diên Bình, Diên Bình 5	XT 477/TM	1,23	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Khu phụ trợ 3, FCO-477/14/1 Đăk Văn	XT477/DTO	0,28	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 14- Nhóm 6
Kon Plông	TBA Phụ trợ TĐ Nam Vao 2	XT477/KPL	0,46	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thạch Anh Sa, TBA Đăk Tung, TBA Long Nang, TBA TĐC Đăk Chung, TBA Đăk Chung 1, TBA TĐC Long Nang, TBA TĐC Đăk Chung	XT481/BOY	0,72	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; Các TBA từ sau FCO-471/C97/3 Phan Bội Châu; TBA: Nguyễn Sinh Sắc; Trần Hưng Đạo; LT Sa Loong	XT471/BOY	2,23	ĐL Ngọc Hồi	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Tp. Kon Tum	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội;	XT 473/KTU	2,67	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	4,0		
Kon Rẫy	TBA T3 Thị trấn; FCO-475/7/6 T5 THỊ TRẤN	XT475/KPL	0,41	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 472/91 Nghĩa Tân đến TBA Kà Bày	XT473/KTU	0,84	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau DCL 01A-4 471ĐH đến hết MC 471/80 T1 Hà Mòn	XT 471/ĐHA	1,6	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/28A/3 Kon PRing đến MC 477/167/01 Đăk Kon	XT 477/DTO	1,23	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Ter 1; TBA Đăk Hà 1	XT477/DTO	0,31	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 15- Nhóm 1
Kon Plông	TBA Cửa vào hầm bổ sung TĐ Nước Long	XT477/KPL	0,49	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thạch Anh Sa, TBA Đăk Pô Cô, TBA Đăk Tráp, TBA Đăk Glei 8, TBA Thôn 14B, TBA Pen Sen Pen, TBA Đăk Ra, TBA Đăk Glei 5	XT481/BOY	0,78	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-481/151/1 Lộc Nông; Các TBA từ sau FCO-481/251 Nông Chả; FCO-481/115 Kà Nhảy	XT481/BOY	2,38	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/KTU2 đến TBA Nhà máy mỏ CS Ia Chim,	XT 473/KTU2,	5,0	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toi đi Thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI;	1,71		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/53/1 Kon Vang; TBA Ngân Hàng; TBA Măng Đen	XT475/KPL	0,42	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 472/63/91A Rời Koi	XT472/KTU	0,9	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 473ĐH đến hết DCL 143-4 T5 Hà Mòn, Các TBA từ sau FCO 01-4 Tân Lập đến hết TBA Nguyễn Văn Thanh	XT 473/ĐHA	1,72	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBS 477/345/9 T3 Diên Bình đến DCL 477-7/302 T4 Diên Bình	XT 477/TM	1,31	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA T2 Đăk Pờ Si 2B	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 15- Nhóm 2
Kon Plông	TBA Cửa ra hầm bổ sung TĐ Nước Long	XT477/KPL	0,49	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 7, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA Đăk Glei 3, TBA Đăk Pét 2, TBA Đông Thượng, TBA Đông Sông 2	XT481/BOY	0,78	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao; TBA Dương Thị	XT473/BOY	2,38	ĐL Ngọc Hồi	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Huệ; Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi				
Tp. Kon Tum	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội;	XT 473/KTU	1,77	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau LBS 475/13/13 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/47/37 RG Mô rai - Ia Hđrai	XT472/KTU	0,9	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết DCL 32-4 T4 Đăk Hring, Các TBA từ sau FCO 01-4 Tân Lập đến hết TBA Nguyễn Văn Thanh1	XT 481/ĐHA	1,8	ĐL Đăk Hà	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBS 477-7/123/1 Đăk Na, TBA Đăk Sao 5	XT477/DTO	0,32	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 15- Nhóm 3
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO 15-4 Cửa vào Hầm Nước Long	XT477/KPL	0,49	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Glei 6, TBA Pen Seng Peng, TBA Đăk Đoát, TBA Đăk Ra, TBA Đăk Glei 4, TBA Thi công cầu 16/5	XT481/BOY	0,78	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,38	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/KTU2 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB) đến TBA Sao Mai,	XT 471/KTU2	7,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruông 2; TBA Đại Lộc 1; TBA Tân Lập 5	XT483/KTU	0,42	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau FCO-473/268/61 Đội 5 đến TBA CBM CS Số 6	XT472/KTU	0,9	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Bê tông nóng đến hết TBA Trường Anh, TBA Gổ ván lạng Vinh Dung	XT 475/ĐHA	1,84	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau FCO-477/345/18 Xóm Chùa; Các TBA: Diên Bình 2; Cấp nước Thôn 3 Diên Bình; Diên bình 7	XT 477/TM	1,31	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBFCO-477/134 Cấp nước; TBA Đăk Hà 4; TBA Đăk Hà 5	XT477/DTO	0,34	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 15- Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/86/202 Kon Du	XT477/KPL	0,49	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wát đến DCL 481-7/580 Cầu treo, TBA Đăk Glei 1-1	XT481/BOY	0,78	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-481/151/1 Lộc Nông; Các TBA từ sau FCO-481/251 Nông Chả; Các TBA từ sau FCO-481/115 Kà Nhảy	XT481/BOY	2,38	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon	XT 471/KTU2	7,11	ĐL Tp. Kon Tum	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)				
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo, TBA Ngân Hàng	XT475/KPL	0,42	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/190/20 Hơ Moong đến LBS 472/190/91 Nghĩa Tân	XT472/KTU	0,9	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T7 Đăk La đến hết TBA Ngô Trang 3,	XT 473/ĐHA,	1,0	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau FCO 01-4 T2 Đăk Hà đến hết TBA Long Loi	XT 475/ĐHA	0,76		
Đăk Tô	Các TBA từ sau FCO-475/26/5 TXĐ Thôn 1 Các TBA: Thôn 1 Tân Cảnh; Vườn ươm; Nguyên Liệu Giấy	XT 475/DTO	1,31	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA XD Đồng Tâm; TBA Tu Mơ Rông 4&5; TBA Long Leo	XT477/DTO	0,32	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau 471/85 THÔN 2 N.Tem	XT471/TKT	0,49	ĐL Kon Plông	Mức 15- Nhóm 5
Đăk Glei	Các TBA từ sau LBS 481/26/155 Làng Đung, TBA CA huyện, TBA Đăk Pô Cô	XT481/BOY	0,78	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao; TBA Dương Thị Huệ; Các TBA FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT473/BOY	2,38	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum;	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội;	XT 473/KTU	1,06	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,0		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,0		
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 1; TBA Đại Lộc; TBA làng Kon Nhen	XT483/KTU	0,42	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA TBS Sa Nhơn 3 (630), TBA Nhơn Khánh (100), Nhơn Bình (100), TTCX Sa Nhơn (100)	XT472/KTU	0,9	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Tổ 3 TT Đăk Hà đến hết TBA Làng Nghè 2, Từ FCO 07-4 Đăk Uy đến hết TBA TDP 8	XT 475/ĐHA	1,78	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/28A/3 Kon PRing đến MC 477/167/01 Đăk Kon	XT 477/DTO	1,31	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/25/1 Tu Cấp, TBA Tân Ba 2	XT477/DTO	0,32	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 15- Nhóm 6
Kon Plông	471/85/38 T6 N.TEM	XT471/TKT	0,49	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Gô 1, TBA Đăk Gô 2, TBA TĐC Đăk Túc, TBA Đăk Ba, TBA Đăk Bo 1, TBA TĐC Đăk Sút, TBA Hà Thành, TBA Đăk Wăk 2	XT481/BOY	0,78	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,38	ĐL Ngọc Hồi	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	7,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng; TBA T9 Đăk Ruồng	XT483/KTU	0,42	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA CBM An Phú Thịnh 2 - 560KVA và TBA TBS Sa Nhơn 4	XT472/KTU	0,9	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ MC 473ĐH đến hết DCL 143-4 T5 Hà Môn,	XT 473/ĐHA	1,0	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA Từ FCO 01-4 Tân Lập đến hết TBA Nguyễn Văn Thanh	XT 481/ĐHA	0,72		
Đăk Tô	TBA Tránh Ngập 1	XT479/DTO	1,31	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA sau FCO-477/42/1 Đăk Psi 2B	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 15- Nhóm 7
Kon Plông	Các TBA sau LBS 471-7/85/55 T5 N.Tem	XT471/TKT	0,49	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA sau LBS 481/26/193 NB N.Linh, FCO-481/723/31 La Lua	XT481/BOY	0,78	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA FCO-471/C107/1 Hùng Vương; Các TBA FCO-471/C97/3 Phan Bội Châu; TBA Nguyễn Sinh Sắc; Trần Hưng Đạo; LT Sa Loong; TDP 5	XT471/BOY	2,38	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	7,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA sau FCO-475/242A/1 Nam Hà; TBA XN 1/5; TBA T6A Tân Lập	XT475/KPL	0,46	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA sau LBS 473/202 Bình Nam đến DCL473-7/259A Cầu Đăk Sia	XT473/KTU	0,9	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T7 Đăk La đến hết TBA Ngô Trang 3,	XT 473/ĐHA,	1,0	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau FCO 01-4 T2 Đăk Hà đến hết TBA Long Loi	XT 475/ĐHA	0,76		
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBS 477-7/30/313 Tránh ngập 1 đến Ranh Giới Đăk Tô- Đăk Hà	XT 477 TM	1,31	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/123/52A Đăk Riếp; TBA Đăk Hà 4; TBA Đăk Hà 5	XT477/DTO	0,34	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 16- Nhóm 1
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/86/127 Kon Tum	XT477/KPL	0,53	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wât đến DCL 481-7/580 Cầu treo	XT481/BOY	0,83	ĐL Đăk Glei	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao; TBA Dương Thị Huệ; FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT481/BOY	2,54	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum;	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội;	XT 473/KTU	1,16	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,0		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/13/13 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/190/20 Hơ Moong đến TBA Kà Bày	XT472/KTU	0,96	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Bê tông nóng đến hết TBA Trường Anh, TBA Gổ ván lạng Vinh Dung	XT 475/ĐHA	1,84	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 475/346/01 A TT Po Ko đến MC RG Đăk Tô - Sa Thầy	XT 475 TM	1,4	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Phụ trợ 3; TBA Ngọc Yêu 2	XT477/DTO	0,33	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 16- Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/86/123 Kon Tum	XT477/KPL	0,53	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau FCO-481/723/31 La Lua, LBS 481/26/155 Làng Đung	XT481/BOY	0,83	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,54	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/KTU đến RG Kon Tum-Sa Thầy	XT 473/KTU	2,25	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	5,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo, TBA Măng Đen	XT475/KPL	0,45	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC473/183 RG KT-ST đến LBS 473/202 Bình Nam	XT473/KTU	0,96	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi	XT 481/ĐHA	2,227	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: DTNT; Mầm non Sao Mai; Huỳnh Đăng Thor; Khối 5; Xí Nghiệp Gổ; Khối 3	XT 473/DTO	1,4	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBS477-7/152 Ngọc Leng đến LBS 477-7/152/46 Long Leo, TBA Đăk Hà 5	XT477/DTO	0,35	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 16- Nhóm 3
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/86/177 Kon Du 1	XT477/KPL	0,53	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/626 Thị Trấn đến MC 481/676A Đăk	XT481/BOY	0,83	ĐL Đăk Glei	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Ven				
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-481/151/1 Lộ Nông; FCO-481/251 Nông Chả; Các TBA từ sau FCO-481/115 Khả Nhảy	XT481/BOY	2,54	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 471/KTU2 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB) đến TBA Sao Mai,	XT 471/KTU2	7,25	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/53/1 Kon Vàng; TBA Bưu Điện	XT475/KPL	0,49	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC472/546/3 Đội 3, Cty 78	XT472/KTU	0,96	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Bê tông nóng đến hết TBA Trường Anh, TBA Gổ vắn lạng Vinh Dung	XT 475/ĐHA	1,84	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Bùng bình; Toàn An Khang; Khối 8; Khối 9; Sâm Ngọc Linh; TT Dạy Nghề	XT 473/DTO	1,4	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau DCL 477-7/7/37 Ngọc Lây	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 16- Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL477-7/159/2 Đăk Tiêu	XT477/KPL	0,53	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Thạch Anh Sa, TBA Đăk Tung, TBA Long Nang, TBA TĐC Đăk Tung, TBA Đăk Chung 1, TBA TĐC Long Nang, TBA TĐC Đăk Chung, TBA Đăk Poi, TBA Đăk Glei 1	XT481/BOY	0,83	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Đại Lợi 2; Cao Su Vạn Phát; Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	2,54	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội;	XT 473/KTU	1,16	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,0		
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,0	ĐL Kon Rẫy	
Kon Rẫy	TBA Thôn 7A Đăk Tờ Re	XT483/KTU;	0,45		
Sa Thầy	Các TBA từ sau DCL 472-7/25 Bình Tây đến LBS 472/349/01 Khả Đừ	XT472/KTU	0,96	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau DCL 01A-4 471ĐH đến hết MC 471/80 T1 Hà Môn, Các TBA từ sau FCO 01-4 T6 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Gu 2	XT 471/ĐHA	1,875	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: T5 NMC; KDC TĐ 24; Tân Cảnh 3; Tân Cảnh 2	XT 475/DTO	0,6	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA từ sau FCO-471/65/1 Đăk Ri Dốp	XT 471/DTO	0,8		
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Ter 1, TBA Mô Pả 2	XT477/DTO	0,35	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 16-

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/159/4 Đăk Tiêu	XT477/KPL	0,53	ĐL Kon Plông	Nhóm 5
Đăk Glei	TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Glei 6, TBA Pen Seng Peng, TBA Đăk Đoát, TBA Đăk Ra, TBA Đăk Glei 4, TBA Thi công cầu 16/5, TBA Đông Thượng	XT481/BOY	0,83	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-481/151/1 Lộc Nông; Các TBA từ sau FCO-481/251 Nông Chả; Các TBA từ sau FCO-481/115 Kà Nhảy	XT481/BOY	2,54	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	7,17	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 2; TBA Đăk Ruồng 1; TBA Tân Lập 5	XT483/KTU	0,45	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA Điện Biên Phủ 2 (100), Điện Biên Phủ 3 (100), Trường Chinh (100), Trường Chinh 2 (100), Thôn 5 TT (100), Làng Chốt (100),	XT473/KTU	0,96	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3, TBA Đăk La 2, TBA Đăk La 1	XT 473/ĐHA	1,99	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/100/4 Đăk Sanh đến TBA Đăk Sing; Các TBA từ sau FCO-477/140/5 T3 Kon Đào	XT 475/ĐTO	0,4	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Sao 4; Các TBA từ sau FCO-477/42/1 Mô Bành; TBA Đăk Tờ Kan 5	XT477/ĐTO	0,33	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 16- Nhóm 6
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL477-7/212/235 Đăk Lúp	XT477/KPL	0,53	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 7, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA Đăk Glei 3, TBA Đăk Pét 2, TBA Đông Thượng, TBA Xí Nghiệp Gỗ	XT481/BOY	0,83	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; Các TBA từ sau FCO-471/C97/3 Phan Bội Châu; TBA: Nguyễn Sinh Sắc; Trần Hưng Đạo; LT Sa Loong; TDP 5; Đăk Mốt	XT471/BOY	2,54	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 471/KTU2 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB) đến TBA Sao Mai,	XT 471/KTU2	7,17	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	TBA Đại Lộc; TBA Đại Lộc 1; TBA Đăk Ruồng, Kon Sờ Rét	XT483/KTU	0,45	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/546/3 Đội 3, TBA Cty 78	XT472/KTU	0,96	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Bê tông nóng đến hết TBA Trường Anh,	XT 475/ĐHA	1,84	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	TBA Gổ ván lạng Vinh Dung				
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/28A/3 Kon PRing đến MC 477/167/01 Đăk Kon	XT 477/DTO	1,4	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA XD NMTĐ Đăk Lây; TBA Tu Mơ Rông 1; TBA Cấp nước 2	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 16- Nhóm 7
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/212/235 Đăk Nền 2	XT477/KPL	0,53	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wâk đến DCL 481-7/580 Cầu treo, TBA Đăk Gleï 1-1, TBA BHXH huyện	XT481/BOY	0,83	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-481/151/1 Lộc Nông; Các TBA từ sau FCO-481/251 Nông Chả; Các TBA từ sau FCO-481/115 Kà Nhảy	XT481/BOY	2,54	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội	XT 473/KTU	1,16	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,0		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,0		
Kon Rẫy	TBA Lâm Viên; TBA XN 1/5; Các TBA từ sau FCO-475/250 T6 Tân Lập	XT475/KPL	0,57	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA Thiên Thành Tài -750kVA, TBA Cao su Vạn Thành (180), Rờ Koi 1 (100)	XT472/KTU	0,96	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi	XT 481/ĐHA	2,227	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Khối 5, TBA Mầm non Sao Mai	XT 473/DTO	0,88	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA T2 Đăk Pờ Si 2B, Các TBA từ sau FCO-477/123/52A Đăk Riếp	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 17- Nhóm 1
Kon Plông	TBA Hầm Phụ	XT477/KPL	0,56	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA từ sau DCL 481-7/626 Thị Trấn đến MC 481/676A Đăk Ven, TBA Đông Lốc 1, TBA Đông Lốc 2	XT481/BOY	0,88	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Đại Lợi 2; Cao Su Vạn Phát; FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	2,7	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình - 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	3,67	ĐL Tp. Kon Tum	
	Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 481/KTU	4,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/13/13 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/190/20 Hơ Moong đến TBA Cà Bày	XT472/KTU	1,02	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 479ĐH đến LBS 479/76/21 Thôn Đăk Mút	XT 479/ĐHA	1955	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 1; Diên Bình 3; Các TBA từ sau FCO-477/345/18	XT 479/ĐHA	1,49	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Ter 1; TBA Mô Pả 2	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 17- Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO 242-4 CN Nước Long	XT477/KPL	0,56	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau FCO-481/723/31 La Lua, Các TBA từ sau LBS 481/26/155 Làng Đung, TBA Đăk Choong 2	XT481/BOY	0,88	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,7	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội	XT 473/KTU	1,76	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,0		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo, TBA Ngọc Tem	XT475/KPL	0,47	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 479/282 RG ĐH-ST	XT472/KTU	1,02	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết DCL 32-4 T4 Đăk Hring, Các TBA từ sau FCO 01-4 T2 Đăk Mar đến hết TBA T2 Đăk Mar	XT 481/ĐHA	2	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau DCL 475-7/45 Tân Mai đến DCL 475-7/54-1/21 TT Đăk Tô	XT 473 DTO	1,49	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau DCL 477-7/52/18B Tê Xăng đến 477-7/52/55 Đăk Viên, TBA Đăk Hà 5	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 17- Nhóm 3
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-474/105/258 Pờ Ê3	XT477/KPL	0,56	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 7, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA Đăk Glei 3, TBA Đăk Pét 2, TBA Đông Thượng, TBA Xí Nghiệp Gỗ, TBA Đăk Pét 3	XT481/BOY	0,88	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108-4 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; Các TBA từ sau FCO-471/C97/3 Phan Bội Châu; TBA Nguyễn Sinh Sắc; Trần Hưng Đạo; LT Sa Loong; TDP 5; Đăk Mốt; Công Viên	XT471/BOY	2,7	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon	XT 471/KTU2	7,67	ĐL Tp. Kon Tum	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)				
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/250 T6 Tân Lập; Các TBA từ sau FCO-475/53/1 Kon Vang	XT475/KPL	0,56	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA CBM An Phú Thịnh 1 - 1500KVA	XT472/KTU	1,02	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết MC 471/86 T8 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	1975	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 8; TT Dạy nghề; Dân Tộc Nội Trú; Sân Vận Động; Mầm non Sao Mai; Khối 9	XT 473 DTO	1,49	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBFCO-477/134 Cấp nước; TBA Tu Mơ Rông 1	XT477/DTO	0,34	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 17- Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA từ sau MC 477 Nước Long	XT477/KPL	0,56	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Gô 1, TBA Đăk Gô 2, TBA TĐC Đăk Túc, TBA Đăk Ba, TBA Đăk Bo 1, TBA TĐC Đăk Sút, TBA Hà Thành, TBA Đăk Wăk 2, TBA Đăk Ba	XT481/BOY	0,88	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,7	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội	XT 473/KTU	1,76	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,0		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/242A/1 Nam Hà; TBA Lâm Viên; TBA XN 1/5	XT475/KPL	0,47	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/63/61 Sa Nhơn đến MC472/132 Ngọc Win	XT472/KTU	1,02	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 479ĐH đến LBS 479/76/21 Thôn Đăk Mút	XT 479/ĐHA	1,955	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Kon Đào 1; Kon Đào 2; Kon Đào 5; Thôn 2 Kon Đào; Các TBA từ sau FCO-477/140/5 T3 Kon Đào; Các TBA: Cao Su Kon Đào; Cao su Hiệp Hưng	XT 477/DTO	1,49	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBFCO-477/134 Cấp nước; TBA Đăk Hà 4; TBA Đăk Hà 5	XT477/DTO	0,34	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 17- Nhóm 5
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/10/1 SX Hoa XL	XT477/KPL	0,56	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wăk đến DCL 481-7/580 Cầu treo, TBA Đăk Glei 1-1, TBA Đăk Glei 1	XT481/BOY	0,88	ĐL Đăk Glei	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi; Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	2,7	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh	XT 476/KTU	2,74	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/69/17 Đăk Cẩm - 479 đến LBS 475/64 T1 Đăk Cẩm	XT 475/KTU	4,0		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau LBS 475/161A/1 Đăk Tờ Re; TBA Đăk Tờ Re 2; TBA Kon Ko Long; TBA T7A Đăk Tờ Re	XT483/KTU	0,47	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau DCL473-7/268/01 Cù Chính Lan đến Làng chấp	XT473/KTU	1,02	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3, TBA Đăk La 2, TBA Đăk La 1	XT 473/ĐHA	1,99	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/100/4 Đăk Sanh đến TBA Đăk Sing; FCO-477/01A/01 L.Đăk Hà	XT 477/DTO	1,49	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA T2 Đăk Pờ Si 2B, Các TBA từ sau FCO-477/7/49 KOXIA 2	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 18- Nhóm 1
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/33/1 Đăk Nghé	XT477/KPL	0,59	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau FCO-481/723/31 La Lua, Các TBA từ sau LBS 481/26/155 Làng Dung, TBA Đăk Choong 2, TBA TĐC Kon Riêng 2	XT481/BOY	0,93	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA: Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú; Cao Sơn	XT471/BOY	2,86	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2,	7,0	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	1,35		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/13/13 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC473/183 RG KT-ST đến LBS 473/202 Bình Nam	XT473/KTU	1,08	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi	XT 481/ĐHA	2,227	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC477/28A/3 Kon Pring đến MC 477/167/01 Đăk	XT 473/ĐTO	1,58	ĐL Đăk Tô	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Kon				
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/49A/11 TĐC Tu Thố	XT477/DTO	0,4	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 18- Nhóm 2
Kon Plông	TBA Đăk Nghe 2	XT477/KPL	0,59	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wâk đến DCL 481-7/580 Cầu treo, TBA Đăk Glei 4	XT481/BOY	0,93	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,86	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB),	XT 471/KTU2	6,0	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 481/KTU	2,11		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/53/1 Kon Vang; TBA Bưu Điện; TBA T9 Thị trấn	XT475/KPL	0,5	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TTTM Sa Thầy (100), Trần Hưng Đạo 4 (100), TBA Sa Thầy 3 (160), Thôn 4 TT Sa Thầy (100), Hàm Nghi (100), TBA Phan Bội Châu (100), TBA Lê Duẩn 2 (100), TBA UB Sa Sơn (100), Sa Sơn 1 (100), Thôn 2 Sa Sơn (50)	XT473/KTU	1,08	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 479ĐH đến LBS 479/76/21 Thôn Đăk Mút, TBA C1 Đăk Uy 4	XT 479/ĐHA	2,205	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 475/346/01A TT Po Ko đến MC 479/15 RG Đăk Tô- Sa Thầy	XT 475/TM	1,58	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/46/1 Đăk King	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 18- Nhóm 3
Kon Plông	Các TBA từ sau MC 477 Hàm Phụ 2	XT477/KPL	0,59	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 7, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA Đăk Glei 3, TBA Đăk Pét 2, TBA Đông Thượng, TBA Xí Nghiệp Gỗ, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Glei 6	XT481/BOY	0,93	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; Các TBA từ sau FCO-471/C97/3 Phan Bội Châu; TBA Nguyễn Sinh Sắc; Trần Hưng Đạo; LT Sa Loong; TDP 5; Đăk Mót; Công Viên; Thôn 7 TT Plei Kần	XT471/BOY	2,86	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS	XT 476/KTU;	3,14	ĐL Tp. Kon Tum	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	476/273/C145 Nguyễn Văn Linh				
	Từ sau MC 475/69/17 Đắc Cẩm - 479 đến LBS 475/64 T1 Đắc Cẩm	XT 475/KTU,	4,0		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,0		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo, TBA T3 Thị Trấn	XT475/KPL	0,5	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/190/20 Hơ Moong đến MC472/50 Tân Sang	XT472/KTU	1,08	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3, Từ FCO 01-4 T2 Đăk Hà đến hết TBA Long Loi	XT 473/ĐHA	2,09	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA Khối 5, TBA Mầm non Sao Mai	XT 473/DTO	0,88	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Tân Ba 2; TBA Tu Mơ Rông 1; TBA TDC Tu Thố, TBA Tê Xăng 1	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL 471-7/85/29 T6 N.TEM	XT471/TKT	0,59	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wăk đến DCL 481-7/580 Cầu treo, TBA Đăk Glei 1-1, TBA Thi công cầu 16/5	XT481/BOY	0,93	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,86	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội	XT 473/KTU	2,06	ĐL Tp. Kon Tum	Mức 18- Nhóm 4
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 475/KTU	5,0		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,0		
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 2; TBA Đại Lộc; TBA Đại Lộc 1	XT483/KTU	0,5	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC472/546/3 Đội 3, Cty 78	XT472/KTU	1,08	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi	XT 481/ĐHA	2,227	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: T1; T2; T3 Tinh Bột Sắn	XT 475/DTO	1,58	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Nhà máy; TBA Ngọc Yêu 2	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	TBA Măng Đen Boutique Hotel	XT477/KPL	0,59	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/626 Thị Trấn đến MC 481/676A Đăk Ven, TBA Đăk Pô Cô	XT481/BOY	0,93	ĐL Đăk Glei	Mức 18- Nhóm 5
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú; Cao Sơn	XT471/BOY	2,86	ĐL Ngọc Hồi	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ Sau MC 483/KTU đến TBA Tập thể Plei Krông	XT 483/KTU	2,14	ĐL Tp. Kon Tum		
	Các TBA: Từ sau MC 475/69/17 Đăk Cấm - 479 đến LBS 475/64 T1 Đăk Cấm	XT 475/KTU,	5,0			
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,0			
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng 1; TBA Đăk Ruồng; FCO-475/203 T11 ĐĂK RUỒNG; TBA T9 Đăk Ruồng	XT483/KTU	0,5	ĐL Kon Rẫy		
Sa Thầy	Các TBA UB xã Mô rai (100), Làng Kđin (100), Làng Kênh (100), Làng kênh 2 (100), Làng Le 2, Đội 1, CT78, FCO 01-4 Đội 10	XT472/KTU	1,08	ĐL Sa Thầy		
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3, Các TBA từ sau MC 475/107 T4 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Hơ Dre	XT 473/ĐHA	2,13	ĐL Đăk Hà		
Đăk Tô	Các TBA: Sấy Bã Mỹ; Nguyên Liệu Giấy	XT 475/DTO	1,58	ĐL Đăk Tô		
Tu Mơ Rông	TBA XD NMTĐ Đăk Lây; TBA XD Đồng Tâm	XT477/DTO	0,39	ĐL Tu Mơ Rông		Mức 18- Nhóm 6
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/3/2 KS Golden	XT477/KPL	0,59	ĐL Kon Plông		
Đăk Gleï	TBA Vai Trái TĐ Đăk Mi 1	XT481/BOY	0,93	ĐL Đăk Gleï		
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,86	ĐL Ngọc Hồi		
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/KTU đến RG Kon Tum-Sa Thầy	XT 473/KTU	2,74	ĐL Tp. Kon Tum		
	Các TBA: Từ sau MC 475/69/17 Đăk Cấm - 479 đến LBS 475/64 T1 Đăk Cấm	XT 475/KTU	4,0			
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toi hướng vào T9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,0			
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/242A/1 Nam Hà; TBA Lâm Viên; TBA XN 1/5	XT475/KPL	0,5	ĐL Kon Rẫy		
Sa Thầy	Các TBA Xay đá (250), Sa Nghĩa (180), TBA Kleng 3 (100) FCO-473/250/1 Sa Nghĩa đến TBA Anh Dũng 2	XT472/473KTU	1,08	ĐL Sa Thầy		
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 479ĐH đến LBS 479/76/21 Thôn Đăk Mút, TBA C1 Đăk Uy 4	XT 479/ĐHA	2,205	ĐL Đăk Hà		
Đăk Tô	Các TBA: T6; T8 Tinh Bột Sắn; Vườn ươm Tân Cảnh	XT 475/DTO	1,58	ĐL Đăk Tô		
Tu Mơ Rông	TBA T3 Đăk Psi2B; TBA Cấp nước 2	XT477/DTO	0,37	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 18- Nhóm 7	
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL471-7/12/5 Thượng KT	XT471/TKT	0,59	ĐL Kon Plông		
Đăk Gleï	TBA NMTB Phương Hoa 5	XT481/BOY	0,93	ĐL Đăk Gleï		

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi; Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	2,86	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/KTU2 đến TBA Nhà máy mủ CS Ia Chim	XT 473/KTU2	4,31	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/69/17 Đăk Cấm - 479 đến LBS 475/64 T1 Đăk Cấm	XT 475/KTU	4,1		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/250 T6 Tân Lập; TBA T6A Tân Lập; TBA T4 Tân Lập, UBX Tân Lập	XT475/KPL	0,5	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC473/183 RG KT-ST đến LBS 473/202 Bình Nam, TBA Bình Nam-Bình Sơn (100), Nghĩa Long (100)	XT473KTU	1,08	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui, Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết DCL 32-4 T4 Đăk Hring	XT 471/ĐHA	2,19	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBFCO-475/8/1A P.X.B Tính; TBA T5 Nhà Nhà Cồn	XT 475/DTO	1,58	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Ter 1; FCO-477/25/1 Tu Cấp	XT477/DTO	0,39	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 19- Nhóm 1
Kon Plông	Các TBA từ sau MC 273-4 Hầm Phụ 2	XT477/KPL	0,62	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleiz	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wâk đến DCL 481-7/580 Cầu treo, TBA Đăk Gleiz 1-1, TBA Đăk Gleiz 1, TBA Đăk Gleiz 4	XT481/BOY	0,98	ĐL Đăk Gleiz	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú; Cao Sơn	XT471/BOY	3,02	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA từ sau MC 475/13 Kon Cheo Leo	XT 476/KTU	2,56	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 475/69/17 Đăk Cấm - 479 đến LBS 475/64 T1 Đăk Cấm	XT 475/KTU	2,74		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toihướng vào T9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,61		
	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 374/IGRAI	1,23		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC75/13/13 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 473/33A Ya Xiên, Các TBA từ sau MC 473/53/1 Sa Sơn	XT473/KTU	1,14	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76	XT 481/ĐHA	2,227	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	T4 Đăk Pxi				
Đăk Tô	Các TBA: T1; T3; T4 Tinh Bột Sắn	XT 475/DTO	1,66	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Nghĩa Phát	XT477/DTO	0,59	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-471/85/39 Hầm G.thông	XT471/TKT	0,62	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau FCO-481/7223/31 La Lua, TBA Thi công hầm TĐ Đăk Mi	XT481/BOY	0,98	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi; FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	3,02	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 471/KTU2 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB) đến TBA Sao Mai	XT 471/KTU2	6,94	ĐL Tp. Kon Tum	Mức 19- Nhóm 2
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toiđi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,58		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo; TBA Măng Đen, T2 Thị trấn	XT475/KPL	0,58	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/190/20 Hơ Moong đến TBA Kà Bày	XT473/KTU	1,14	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3, Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 473/ĐHA	2,39	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau FCO-475/8/1 PX CO2; TBA Thôn 1 Tân Cảnh	XT 475/DTO	1,66	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đập Chính	XT477/DTO	0,59	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/212/249 Tu Ngú	XT477/KPL	0,62	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Vai Trái TĐ Đăk Mi 1, TBA Ngục Đăk Glei	XT481/BOY	0,98	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA: Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú; Cao Sơn	XT471/BOY	3,02	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh	XT 476/KTU	3,61	ĐL Tp. Kon Tum	Mức 19- Nhóm 3
	Các TBA: Từ sau MC 475/69/17 Đăk Cẩm - 479 đến LBS 475/64 T1 Đăk Cẩm	XT 475/KTU	3,33		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toi hướng vào T9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,8		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/53/1 Kon Vang, TBA Bưu Điện, TBA Ngân Hàng	XT475/KPL	0,56	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA CBM An Phú Thịnh 1 - 1500KVA,	XT472/KTU	1,14	ĐL Sa Thầy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 479ĐH đến LBS 479/76/21 Thôn Đăk Mút, TBA C1 Đăk Uy 4	XT 479/ĐHA	2,205	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	TBA T1 TĐ PLEI KẦN HẠ; Các TBA: Duy Tân; Thôn 6 Tân Cảnh; Các TBA từ sau FCO-471/81/1 Đăk Ri Peng	XT 471/DTO	1,66	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA T2 Đăk Psi2B, Các TBA từ sau FCO 01-4 Long Tro	XT477/DTO	0,4	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 19- Nhóm 4
Kon Plông	TBA Hầm Giao Thông	XT477/KPL	0,62	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA NMTB Phương Hoa 5, TBA TĐC Đăk Sút	XT481/BOY	0,98	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; Các TBA từ sau FCO-471/C97/3 Phan Bội Châu; TBA: Nguyễn Sinh Sắc; Trần Hưng Đạo; LT Sa Loong; TDP 5; Đăk Mót; Công Viên; Thôn 7 TT Plei Kần; đường N5	XT471/BOY	3,02	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/KTU2 đến TBA Nhà máy mủ CS Ia Chim	XT 473/KTU2	4,78	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toiđi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	3,73		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/242A/1 Nam Hà; TBA Lâm Viên; TBA XN 1/5, TBA UBX Tân Lập	XT475/KPL	0,6	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	TBA TBS Sa Nhơn 3 và 4 (2x630)	XT472/KTU	1,14	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết MC 471/86 T8 Đăk Ui, TBA T10 Đăk Ui, TBA T10-1 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	2,175	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Nguyên Liệu Giấy; Vườn Ươm; Xay đá 501,1; Tân Cảnh 1; Tân cảnh 2	XT 475/ĐTO	0,7	ĐL Đăk Tô	
	FCO-471/65/1 Đăk Ri Dốp	XT 471/ĐTO	0,96		
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBFCO-477/134 Cấp nước, TBA Sâm Ngọc Linh	XT477/DTO	0,39	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 19- Nhóm 5
Kon Plông	TBA Măng Đen Boutique Hotel	XT477/KPL	0,62	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/626 Thị Trấn đến MC 481/676A Đăk Ven, TBA Đăk Glei 1-1, TBA TĐC Long Nang	XT481/BOY	0,98	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú; Cao Sơn	XT471/BOY	3,02	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: từ MC 473/128/35 Đăk Năng đi Ya Hội	XT 472/KTU	2,74	ĐL Tp. Kon Tum	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Các TBA: Từ sau MC 475/65/4 GN KM8 vào khu lò gạch	XT 476/KTU	3,02		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/102 Chư Mom Rai	XT 471/IGRAI	2,8		
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruông; TBA Đăk Ruông 1; TBA Đăk Ruông 2	XT483/KTU	0,57	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau DCL 472-7/25 Bình Tây đến LBS 472/349/01 Kà Đừ, MC 473/53/1 Sa Sơn	XT472/KTU	1,14	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi	XT 481/ĐHA	2,227	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 9; Khối 7XBT; Khối 8; Sân Vận động; Huỳnh Đăng Thờ; Mầm non Sao Mai; Khối 5	XT 473/DTO	1,66	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA XD NMTĐ Đăk Lây; TBA XD Đồng Tâm	XT477/DTO	0,39	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL474-7/47/76 Quốc lộ 24	XT474/KPL	0,62	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleiz	TBA Đăk Gleiz 7, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA Đăk Gleiz 3, TBA Đăk Pét 2, TBA Đồng Thượng, TBA Xí Nghiệp Gỗ, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Gleiz 6, TBA Đăk Gleiz 8	XT481/BOY	0,98	ĐL Đăk Gleiz	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi; FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	3,02	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	5,73	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	1,78		Mức 19- Nhóm 6
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/250 T6 Tân Lập; Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,6	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA: Hai Bà Trưng (630), Kleng (100), Kleng 2 (100), CDC T1 (100), Sa Thầy 5 (250), Thôn 5-2 (100),	XT473/KTU	1,14	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	1,1		
	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết DCL 32-4 T4 Đăk Hring	XT 481/ĐHA	1,09	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 5, TBA Mầm non Sao Mai	XT 473/DTO	0,88	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBAT2 Đăk Psi2B; Các TBA từ sau FCO-477/46/1 Đăk King	XT477/DTO	0,43	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/75/64 Kon Tu Răng	XT477/KPL	0,66	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleiz	Các TBA từ sau LBS 481/26/193 NB N.Linh, Các TBA từ sau FCO-481/723/26 La Lua, TBA Đăk Pét 2	XT481/BOY	1,03	ĐL Đăk Gleiz	Mức 20- Nhóm 1

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA: Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú; Cao Sơn	XT471/BOY	3,18	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 479/KTU đến TBA UBND Phường Trường Chinh	XT 479/KTU	4,57	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ Sau MC 483/KTU đến TBA Tập thể Plei Krông	XT 483/KTU	3,86		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem, Các TBA: từ sau MC 371/169 Cty 78 đến TBA đội 24	XT 374/IGRAI	2,18		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/13/13 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 472/349/01 Kà Đừ đến DCL 472-7/63/01 Sa Nhơn và Các TBA từ sau LBS 472/63/91A đến MC 472/120/08 Rờ Koi	XT472/KTU	1,2	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3, Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 473/ĐHA	2,39	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Mâm non Sao Mai, Bùng bình; Khối 9; TT Dạy Nghề; A Tua; Khối 6	XT 475/TMKT	0,9	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA từ sau FCO-473/15A/1A T7 Đăk Tô	XT 473/ĐTO	0,85		
Tu Mơ Rông	TBA Nghĩa Phát	XT477/DTO	0,59	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 20- Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-474/105/133 Hiếu3	XT474/KPL	0,66	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/626 Thị Trấn đến MC 481/676A Đăk Ven, TBA Đông Sông, TBA Đông Sông 2	XT481/BOY	1,03	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA Dương Thị Huệ	XT473/BOY	1,12	ĐL Ngọc Hồi	
	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,06		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toihướng vào T9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	2,01	ĐL Tp. Kon Tum	
Tp. Kon Tum;	Các TBA: Từ sau LBS 476/90/10 Nguyễn Văn Linh đến LBS 476/273/C145 Nguyễn Văn Linh	XT 476/KTU	3,56		
	Các TBA: Từ sau MC 475/69/17 Đăk Cẩm - 479 đến LBS 475/64 T1 Đăk Cẩm	XT 475/KTU	3,37		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/53/1 Kon Vang, TBA Bưu Điện, TBA Ngọc Tem	XT475/KPL	0,58	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC472/546/3 Đội 3, Cty 78, TBA Le Rơ Mân	XT472/KTU	1,2	ĐL Sa Thầy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	(100)				
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 479ĐH đến LBS 479/76/21 Thôn Đăk Mút, Từ FCO 01-4 Tân Lập đến hết TBA Nguyễn Văn Thanh	XT 479/ĐHA	2,315	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Toàn Anh Khang, Mầm non Sao Mai; Dân Tộc Nội Trú, Sâm Ngọc Linh; Đăk Rao Nhỏ; Trạm Bom	XT 473/ĐTO	1,75	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau DCL477-7/52/18B Tê Xăng đến 477-7/52/55 Đăk Viên	XT477/DTO	0,62	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-474/105/93 Dốc 3 tầng	XT474/KPL	0,66	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA TĐ Đăk Mét, TBA Thi công hầm TĐ Đăk Mi, TBA Thôn Bê Rê	XT481/BOY	1,03	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi; Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	3,18	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	8,73	ĐL Tp. Kon Tum	Mức 20-Nhóm 3
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	1,78		
Kon Rẫy	TBA Đại Lộc, Đại Lộc 1, Các TBA: làng Kon Nhen, T4 Tân Lập, Tân Lập 5, T8 Đăk Ruồng	XT475/KPL	0,57	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 473/33A Ya Xiêr, MC 473/53/1 Sa Sơn	XT473/KTU	1,2	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết MC 471/86 T8 Đăk Ui, TBA Đăk Hà 4, TBA Đăk Hà 5	XT 471/ĐHA	2,475	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Khối 8; Khối 5; Sân vận động; Hoàng Thị Loan	XT 473/ĐTO	0,9	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: Khối 6; A Tua; Trần phú	475/TM	0,85		
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau DCL 477-7/52/55 Đăk Viên đến 477/5A/01 MĂNG RY	XT477/DTO	0,53	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau MC74/105/77 xã Hiếu	XT474/KPL	0,66	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA Vai Trái TĐ Đăk Mi 1, TBA Ngục Đăk Gleï, TBA Đăk Choong 2	XT481/BOY	1,03	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA: Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú; Cao Sơn	XT471/BOY	3,18	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ Sau MC 483/KTU đến TBA Tập thể Plei Krông	XT 483/KTU	4,58		

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	5,63	ĐL Tp. Kon Tum	
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo; TBA Bưu Điện, TBA T9 TT	XT475/KPL	0,63	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/47/37 RG Mô rai - Ia Hđrai	XT472/KTU	1,2	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi, TBA T11 Đăk Hring	XT 481/ĐHA	2,38	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Hùng Vương; Xí nghiệp Gổ; Trạm Bơm; A Tua; Khối 6	XT 473/DTO	0,8	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: Sân Vận Động; Xí Nghiệp Gổ; Khối 8	XT 475/TM	0,95		
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/52/49A Tu Thố; TBA T1 Đăkpsi2B	XT477/DTO	0,41	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 20- Nhóm 5
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-474/105/169 Hiếu6	XT474/KPL	0,66	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA NMTB Phương Hoa 5, TBA TĐC Đăk Sút, TBA Đăk Ba	XT481/BOY	1,03	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	TBA Dương Thị Huệ	XT473/BOY	1,12	ĐL Ngọc Hồi	
	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi	XT471/BOY	2,06		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	2,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 481/KTU	3,24		
	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT 473/KTU	3,16		
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	2,13		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/242A/1 Nam Hà, TBA Lâm Viên, XN 1/5, T6A TL	XT475/KPL	0,62	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau DCL473-7/268/01 Cù Chính Lan đến Làng chấp	XT473/KTU	1,2	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3, Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 473/ĐHA	2,39	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 8; TT Dạy nghề; Bệnh viện; Hùng Vương, Sân vận động	XT 475/TM	0,8	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: Khối 5; Mầm non Sao Mai; Bùng binh; Khối 6	473/DTO	0,95		
Tu Mơ Rông	TBA Thôn Ngọc La; TBA Sâm Ngọc Linh; TBA TĐC Tu Thố; TBA Tu Thố 2	XT477/DTO	0,45	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 20- Nhóm 6

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Kon Plông	Các TBA từ sau MC77/212/ Đăk Lúp	XT477/KPL	0,66	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wâk đến DCL 481-7/580 Cầu treo, TBA Đăk Glei 1-1, TBA Đăk Glei 1, TBA Đăk Glei 4, TBA Đông Thượng	XT481/BOY	1,03	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi; Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	3,18	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 471/KTU2 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB) đến TBA Sao Mai	XT 471/KTU2	4,05	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	5,06		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/13/13 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/190/20 Hơ Moong đến TBA Kà Bày	XT472/KTU	1,2	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau DCL 01A-4 471ĐH đến hết MC 471/80 T1 Hà Môn, Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	2,35	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBS 477/345/9 T3 Diên Bình đến RG Đăk Tô Đăk Hà	XT 477/TM	1,75	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/46/1 Đăk Kìng; TBA Phụ trợ 2	XT477/DTO	0,4	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 20- Nhóm 7
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-474/105/198 Hiếu7	XT474/KPL	0,66	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 7, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA Đăk Glei 3, TBA Đăk Pét 2, TBA Đông Thượng, TBA Xí Nghiệp Gỗ, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Glei 6, TBA Đăk Glei 8	XT481/BOY	1,03	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA: Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú; Cao Sơn	XT471/BOY	3,18	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 479/KTU đến TBA UBND Phường Trường Chinh	XT 479/KTU	4,57	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ Sau MC 483/KTU đến TBA Tập thể Plei Krông	XT 483/KTU	3,86		
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem, Các TBA: từ sau MC 371/169 Cty 78 đến TBA đội 24	XT 374/IGRAI	2,18		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/148 Đăk Tờ Re; Các TBA từ sau	XT483/KTU	0,7	ĐL Kon Rẫy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	MC475/196A Kon Slac				
Sa Thầy	Các TBA Hai Bà Trưng (630), Kleng (100), Kleng 2 (100), CDC T1 (100), Sa Thầy 5 (250), Thôn 5-2 (100), Trường chinh (100),	XT473/KTU	1,2	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết MC 471/86 T8 Đăk Ui, TBA Đăk Hà 4, TBA Đăk Hà 5	XT 471/ĐHA	2,475	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau DCL 475-7/45 Tân Mai đến DCL 473-7/54-1/21 TT Đăk Tô	XT 473/DTO	1,75	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA T2 Đăk Psi2B, Các TBA từ sau FCO 01-4 Đăk Văn	XT477/DTO	0,43	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 21- Nhóm 1
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/212/195 Xô Thác	XT477/KPL	0,69	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau LBS 481/26/193 NB N,Linh, Các TBA từ sau FCO-481/723/31 La Lua, TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Pét 3	XT481/BOY	1,09	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA NMCS số 5	XT471/BOY	0,93	ĐL Ngọc Hồi	
	Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT479/BOY	1,55		
	TBA Lê Văn Thảo	XT475/BOY	0,86		
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	8,73	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	1,78		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC 487/148 Đăk Tờ Re	XT475/KPL	0,75	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA UB xã Mô rai (100), Làng Kđin (100), Làng Kênh (100), Làng kênh 2 (100), Làng Le 2, Đội 1, CT78, Các TBA từ sau FCO 01-4 Đội 10	XT472/KTU	1,26	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3	XT 473/ĐHA	1,36	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	1,03		
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 3, Thôn 4 Diên Bình, Diên Bình 5	XT 477TM	1,13	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: TBA khối 5	473/DTO	0,65		
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau DCL 477-7/52/55 Đăk Viên đến 477/5A/01 MĂNG RY	XT477/DTO	0,53	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 21- Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/212/160 Ngọc Chè	XT477/KPL	0,69	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA TĐ Đăk Mét, TBA Thi công hầm TĐ Đăk Mi, TBA Thôn Bê Rê, TBA Đăk Choong 2	XT481/BOY	1,09	ĐL Đăk Glei	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; FCO-471/C97/3 Phan Bội Châu; TBA: Nguyễn Sinh Sắc; Trần Hưng Đạo; LT Sa Loong; TDP 5; Đăk Mốt; Công Viên; Thôn 7 TT Plei Kân; đường N5; Hoàng Thị Loan	XT471/BOY	3,34	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	8,73	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toidi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,58		
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng, 1, 2, TBA Tân Lập 5	XT475/KPL	0,62	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC473/183 RG KT-ST đến LBS 473/202 Bình Nam, Các TBA từ sau FCO-473/250/1 Sa Nghĩa	XT472/KTU	1,26	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi, Từ FCO 01-4 T13 Đăk Hring đến hết TBA Xây đá Thành An	XT 481/ĐHA	2,992	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 475/346/01A TT Pô Ko đến MC 475/15 RG Đăk Tô Sa Thầy	XT 475/TM	1,74	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau DCL477-7/123/1 Đăk Na	XT477/DTO	0,46	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 21- Nhóm 3
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/212/146 Ngọc Chè	XT477/KPL	0,69	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wâk đến DCL 481-7/580 Cầu treo, TBA Đăk Glei 1-1, TBA Đăk Glei 1, TBA Đăk Glei 4, TBA Đông Thượng, TBA Đông Sông 2	XT481/BOY	1,09	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA: Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú; Cao Sơn	XT471/BOY	3,34	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	8,73	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toidi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,58		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/250 T6 Tân Lập; Các TBA từ sau FCO-475/242A/1 Nam Hà; TBA Lâm Viên	XT475/KPL	0,6	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 479/282 RG ĐH-ST đến MC472/20 Hơ Moong	XT472/KTU	1,26	ĐL Sa Thầy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 479ĐH đến LBS 479/76/21 Thôn Đăk Mút, Các TBA từ sau MC 475/107 T4 Ngọc Wang đến hết TBA Kon Hơ Dre	XT 479/ĐHA	2,445	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/100/04 Đăk Sanh đến TBA Đăk Sing; Các TBA từ sau FCO-477/01A/01 L. Đăk Hà	XT 477/DTO	1,84	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đập Chính	XT477/DTO	0,59	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 21- Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL477-7/212/143 Đ.Ring5	XT477/KPL	0,69	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/626 Thị Trấn đến MC 481/676A Đăk Ven, TBA Đông Sông, TBA Đăk Glei 3	XT481/BOY	1,09	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	TBA NMCS số 5	XT471/BOY	0,93	ĐL Ngọc Hồi	
	Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT479/BOY	1,55		
	TBA Lê Văn Thảo	XT475/BOY	0,86		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	2,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 481/KTU	3,24		
	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT 473/KTU	3,16		
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	2,13		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/13/13 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau LBS 472/63/91A Rời Koi	XT472/KTU	1,26	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau DCL 01A-4 471ĐH đến hết MC 471/80 T1 Hà Môn, Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui, TBA T8 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	2,45	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/28/71 Đăk Tông; TBA Đăk Kon	XT 477/DTO	1,84	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đăk Ter 1, TBA TĐC Tu Thố	XT477/DTO	0,45	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 21- Nhóm 5
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/212/ Đăk Lúp	XT477/KPL	0,69	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA NMTB Phương Hoa 5, TBA Prông Mệt 1, TBA Đăk Ba	XT481/BOY	1,09	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi; Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	3,34	ĐL Ngọc Hồi	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 473/KTU đến RG Kon Tum-Sa Thầy	XT 473/KTU	8,73	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	1,78		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo, TBA: Thôn 7A Đăk Tờ Re, T2 Thị trấn	XT475/KPL	0,63	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/63/61 Sa Nhơn đến MC472/132 Ngọc Win	XT472/KTU	1,26	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 T2 Đăk Hà đến hết TBA Long Loi	XT 475/ĐHA	0,445	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết MC 471/86 T8 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	1,98		
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 3, Thôn 4 Diên Bình, Diên Bình 5, TBA khối5	XT 473DTO	1,38	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau FCO-477/4/1 Ngọc La; TBA TĐ Đăk Psi1; TBA TĐ Đăk Psi2	XT477/DTO	0	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 21- Nhóm 6
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/212A/2 Măng Bút	XT477/KPL	0,69	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 7, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA CA Huyện, TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Glei 8, TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Glei 6, TBA Đăk Glei 8	XT481/BOY	1,09	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/99/3 Hào Nưa; TBA: Sa Loong 1; Hào Nưa, C6-732; Sơn Phú; Cao Sơn	XT471/BOY	3,34	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	8,73	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toiđi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,58		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/53/1 Kon Vang, TBA T3 Thị Trấn, Ngọc Tem, T9 Thị trấn	XT475/KPL	0,59	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau DCL473-7/268/01 Cù Chính Lan đến Làng chấp	XT472/KTU	1,26	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3, Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 475/ĐHA	2,39	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau DCL 475-7/45 Tân Mai đến DCL 473-7/54-1/21 TT Đăk Tô	XT473/DTO	1,84	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Nghĩa Phát	XT477/DTO	0,59	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 22- Nhóm 1
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL477-7/123/212A Măng Bút	XT477/KPL	0,72	ĐL Kon Plông	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Glei	Các TBA từ sau LBS 481/26/193 NB N.Linh, FCO-481/723/31 La Lua, TBA Đăk Pét 2, TBA Xi Nghiệp Gỗ	XT481/BOY	1,14	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau LBS 471/86/14 thôn 3 Đăk Kan; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; TBA cao su Vạn Phát; NMCS số 5; Các TBA từ sau FCO 01-4 MĐ HTX Vạn Thành	XT471/BOY	3,5	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ Sau MC 483/KTU đến TBA Tập thể Plei Krông	XT 483/KTU	3,14	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 471/KTU	3,06		
	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT 476/KTU	2,03		
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	1,9		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/13/13 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC473/183 RG KT-ST đến LBS 473/202 Bình Nam	XT472/KTU	1,32	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi, Các TBA từ sau FCO 01-4 T13 Đăk Hring đến hết TBA Xây đá Thành An	XT 481/ĐHA	2,992	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/28A/3 Kon PRing đến MC 477/167/01 Đăk Kon	XT477/DTO	1,93	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đập Chính	XT477/DTO	0,59	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 22- Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/212/2 Đăk Ring	XT477/KPL	0,72	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/626 Thị Trấn đến MC 481/676A Đăk Ven, TBA Đông Sông, TBA CC Huyện	XT481/BOY	1,14	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi; FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	3,5	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 472/KTU đến RG Kon Tum-Sa Thầy	XT 472/KTU	4,34	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT 476/KTU	3,91		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toiđi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,76		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC487/148 Đăk Tờ Re, Các TBA từ sau MC 472/196A Kon Slac	XT475/KPL	0,7	ĐL Kon Rẫy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Sa Thầy	MC 472/190/20 Hơ Moong đến MC472/50 Tân Sang	XT472/KTU	1,32	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 479ĐH đến LBS 479/76/21 Thôn Đăk Mút	XT 479/ĐHA	1,21	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau FCO 07-4 Đăk Uy đến hết TBA TDP 8	XT 477/ĐHA	1,345		
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/100/4 Đăk Sanh đến TBA Đăk Sing	XT477/DTO	1,93	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA NGHĨA PHÁT	XT477/DTO	0,53	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 22- Nhóm 3
Kon Plông	Các TBA từ sau LBS 477/56/65 Chùa K.Lâm	XT477/KPL	0,72	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA TĐ Đăk Mét, TBA Thi công hầm TĐ Đăk Mi, TBA Thôn Bê Rê, TBA Đăk Choong 2, TBA TĐC Kon Riêng	XT481/BOY	1,14	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau LBS 471/86/14 thôn 3 Đăk Kan; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; TBA cao su Vạn Phát; NMCS số 5; Các TBA từ sau FCO 01-4 MĐ HTX Vạn Thành	XT471/BOY	3,5	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình - 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	8,73	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	1,78		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC 487/148 Đăk Tờ Re	XT475/KPL	0,75	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC472/546/3 Đội 3, Cty 78	XT472/KTU	1,32	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3, Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui, TBA Chế biến gỗ cây cao su	XT 473/ĐHA	3,02	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 475/346/01A Po Ko đến RG Đăk Tô Sa Thầy	XT 475/TM	1,0	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: TBA Bùng binh; Khối 9	473/DTO	0,93		
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau MC477/189/89 Đăk Sao	XT477/DTO	0,45	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 22- Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-471/85 T2N.Tem	XT471/TKT	0,72	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA NMTB Phương Hoa 5, TBA Prông Mệt 1, TBA Đăk Ba, TBA TĐC Đăk Sút	XT481/BOY	1,14	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi; Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	3,5	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 479/KTU đến TBA UBND Phường Trường Chinh	XT 479/KTU	4,57	ĐL Tp. Kon Tum	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Các TBA: Từ Sau MC 483/KTU đến TBA Tập thể Plei Krông	XT 483/KTU	3,86		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem, Các TBA: từ sau MC 371/169 Cty 78 đến TBA đội 24	XT 374/IGRAI	2,18		
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng, Đăk Ruồng 1, TBA T9 Đăk Ruồng, Tân Lập 5, T4 Tân Lập, Đại Lộc 1	XT475/KPL	0,64	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 473/33A Ya Xiêr, Các TBA từ sau MC 473/53/1 Sa Sơn, Các TBA từ sau LBS 472/349/01 Kà Đừ đến MC 472/63/61 Sa Nhơn	XT473/KTU	1,32	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi	XT 481/ĐHA	2,227	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBS 477/345/9 T3 Diên Bình đến RG Đăk Tô- Đăk Hà	XT 477/TM	1,93	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau MC477/52/06 Văn Xuôi, TBA Chung Tam; TBA TĐC Tu Thố; TBA Tu Thố 2, TBA Sâm Ngọc Linh	XT477/DTO	0,45	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/56/23 Sư Vạn Hạnh	XT477/KPL	0,72	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wăk đến DCL 481-7/580 Cầu treo, TBA Đăk Glei 1-1, TBA Đăk Glei 1, TBA Đăk Glei 4, TBA Đông Thượng, TBA Đông Sông 2, TBA TĐC Đăk Chung	XT481/BOY	1,14	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau LBS 471/86/14 thôn 3 Đăk Kan; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; TBA cao su Vạn Phát; NMCS số 5; Các TBA từ sau FCO 01-4 MĐ HTX Vạn Thành	XT471/BOY	3,5	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	2,11		Mức 22- Nhóm 5
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 481/KTU	3,24	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT 473/KTU	3,16		
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	2,13		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo, TBA Thôn 7A Đăk Tờ Re, Măng Đen	XT475/KPL	0,66	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau DCL473-7/268/01 Cù Chính Lan đến Làng chấp	XT472/KTU	1,32	ĐL Sa Thầy	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi	XT 481/ĐHA	1,53	ĐL Đăk Hà	Mức 22- Nhóm 6
	Các TBA từ sau FCO 87/15/1 CCN Đăk La đến TBA Xử lý nước thải Đăk La;	XT 475/ĐHA	1,047		
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 3, Thôn 4 Diên Bình, Diên Bình 5	XT 477TM	1,13	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: TBA khối 5	473/DTO	0,65		
Tu Mơ Rông	TBA T2 Đăk Psi2B; TBA Tu Mơ Rông 1	XT477/DTO	0,47	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL477-7/123/73 Ngã 3 P.Lan	XT477/KPL	0,72	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA Đăk Glei 7, TBA Đăk Ra, TBA Măng Rao, TBA CA Huyện, TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Glei 8, TBA Đăk Pét 2, TBA Đăk Pét 3, TBA Đăk Glei 6, TBA Đăk Glei 8, TBA TĐC Long Nang	XT481/BOY	1,14	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi; Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	3,5	ĐL Ngọc Hồi	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 479/KTU đến TBA UBND Phường Trường Chinh	XT 479/KTU	4,57	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ Sau MC 483/KTU đến TBA Tập thể Plei Krông	XT 483/KTU	3,86		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem, Các TBA: từ sau MC 371/169 Cty 78 đến TBA đội 24	XT 374/IGRAI	2,18		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/242A/1 Nam Hà; Các TBA từ sau FCO-475/250 T6 Tân Lập, TBA UBX Tân Lập, T6A Tân Lập	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/190/20 Hơ Moong đến TBA Kà Bày	XT472/KTU	1,32	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	2,725	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 8; TT Dạy nghề; Bệnh viện; Hùng Vương, Sân Vận Động	XT 475/TM	0,8	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: Khối 5; Mầm non Sao Mai; Bùng bình; Khối 6	473/DTO	0,95		
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBS 477/52/51 Tam Rìm; TBA Chung Tam	XT477/DTO	0,47	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 23- Nhóm 1
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL477-7/123/61 Tiến Dung	XT477/KPL	0,75	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA NMTB Phương Hoa 3	XT481/BOY	1,19	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao	XT473/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	
	Các TBA từ sau MC 471/C97/99/3 Hào Nưa; Các TBA từ sau FCO	XT471/BOY	2,39		

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	145-4 KTM Hưng Yên				
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ Sau MC 483/KTU đến TBA Tập thể Plei Krông	XT 483/KTU	5,73	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H’Drai	Các TBA: từ sau MC 371/169 Cty 78 đến TBA đội 24, Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hém	XT 374/IGRAI	4,78		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/13/13 Kon Cheo Leo	XT475/KPL	0,65	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC472/63/61 Sa Nhơn đến MC472/132 Ngọc Win	XT472/KTU	1,38	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết MC 471/86 T8 Đăk Ui, Từ FCO 02-4 T10 Đăk Mar đến hết TBA Hồ C6A	XT 471/ĐHA	2,735	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBS 473/54-1/21 TT Đăk Tô đến DCL 475-7/45 Tân Mai, TBA Khối 5, TBA Mầm non Sao Mai	XT 473/ĐTO	2,01	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Đập Chính	XT477/ĐTO	0,59	ĐL Tu Mơ Rông	
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/56/23 Sư Vạn Hạnh	XT477/KPL	0,75	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	TBA NMTB Phương Hoa 4	XT481/BOY	1,19	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO-471/C108 Hai Bà Trưng; Các TBA từ sau FCO-471/C107/1 Hùng Vương; Các TBA từ sau FCO-471/C97/3 Phan Bội Châu; TBA: Nguyễn Sinh Sắc; Trần Hưng Đạo; LT Sa Loong; TDP 5; Đăk Mốt; Công Viên; Thôn 7 TT Plei Kần; đường N5; Hoàng Thị Loan; Các TBA từ sau FCO-471/C84/1 CN Ngọc Hồi	XT471/BOY	3,66	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến T2 thôn Chư Hém	XT 374/IGRAI	2,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 481/KTU	3,24		
	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT 473/KTU	3,16		
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	2,13		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/148 Đăk Tờ Re, Các TBA từ sau MC 472/196A Kon Slac	XT475/KPL	0,7	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC472/546/3 Đội 3, TBA Cty 78	XT472/KTU	1,38	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi, Các TBA từ sau FCO 01-4 T13 Đăk Hring đến hết	XT 481/ĐHA	2,992	ĐL Đăk Hà	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	TBA Xay đá Thành An				
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBS 477/345/9 T3 Diên Bình đến ranh giới Đăk Tô- Đăk Hà	XT 477/TMKT	2,01	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA T2 Đăk Psi2B; TBA Tu Mơ Rông 1	XT477/DTO	0,47	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 23- Nhóm 3
Kon Plông	Các TBA từ sau MC471/85 T2 N.Tem	XT471/TKT	0,75	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA NMTB Phương Hoa 5, TBA Prông Mệt 1, TBA Đăk Ba, TBA Đăk Wăk 2	XT481/BOY	1,19	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao	XT473/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	
	Các TBA từ sau MC 471/C97/99/3 Hào Nưa; Các TBA từ sau FCO 145-4 KTM Hưng Yên	XT471/BOY	2,39		
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 471/KTU2	8,73	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 471 T9 Ia Toiđi thôn 9 Ia Toi	XT 471/IGRAI	1,58		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC 487/148 Đăk Tờ Re	XT483/KPL	0,75	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 479/282 RG Đăk Hà-Sa Thầy đến MC472/20 Hơ Moong	XT472/KTU	1,38	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 481/ĐHA	2,725	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 3, Thôn 4 Diên Bình, Diên Bình 5	XT 477TM	1,13	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: TBA khối 5	473/DTO	0,65		
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau LBFCO-477/134 Cấp nước; TBA XD Đồng Tâm	XT477/DTO	0,48	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 23- Nhóm 4
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL474-7/105/205 Đi Pờ Ê	XT474/KPL	0,75	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/444 Đăk Wăk đến DCL 481-7/580 Cầu treo, TBA Đăk Glei 1-1, TBA Đăk Glei 1, TBA Đăk Glei 4, TBA Đông Thượng, TBA Đông Sông 2, TBA Long Nang	XT481/BOY	1,19	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi; Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	3,66	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	2,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 475/KTU	3,24		
	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT 473/KTU	3,16		

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	2,13		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo, FCO 108-4 Kon Vang	XT475/KPL	0,7	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau DCL473-7/268/01 Cù Chính Lan đến Làng chấp	XT473/KTU	1,38	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 481/189 T12 Đăk Hring đến hết LBS 481/76 T4 Đăk Pxi	XT 481/ĐHA	1,53	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau FCO 87/15/1 CCN Đăk La đến TBA Xử lý nước thải Đăk La; TBA Chế biến bời lời Na uy	XT 475/ĐHA	1,607		
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 3, Thôn 4 Diên Bình, Diên Bình 5	XT 477TM	1,13	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: TBA khối 5	473/DTO	0,65		
Tu Mơ Rông	TBA T1 Đăk Psi2B; TBA T3 Đăk Psi2B	XT477/DTO	0,47	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 23- Nhóm 5
Kon Plông	Các TBA từ sau FCO-477/75/45 37 HỘ	XT477/KPL	0,75	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau DCL 481-7/626 Thị trấn đến MC 481/676A Đăk Ven, TBA Xí nghiệp gỗ, TBA CA Huyện	XT481/BOY	1,19	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao	XT473/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	
	Các TBA từ sau MC 471/C97/99/3 Hào Nưa; Các TBA từ sau FCO 145-4 KTM Hưng Yên	XT471/BOY	2,39		
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau LBS 476 Hòa Bình – 489 đến MC 489 Ngục Kon Tum (phụ tải khu công nghiệp HB)	XT 483/KTU	8,73	ĐL Tp. Kon Tum	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	1,78		
Kon Rẫy	TBA Thôn 7A Đăk Tờ Re;	XT483/KTU	0,67	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 473/268/33A Ya Xiêr, Các TBA từ sau MC 473/53/1 Sa Sơn, Các TBA từ sau LBS 472/349/01 Kà Đừ đến MC 472/63/61 Sa Nhơn	XT472/KTU	1,38	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết TBA T3 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	2,725	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Khối 8; TT Dạy nghề; Bệnh viện; Hùng Vương, Sân Vận Động	XT 475/TM	0,8	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: Khối 5; Mầm non Sao Mai; Bùng binh; Khối 6	473/DTO	0,95		
Tu Mơ Rông	TBA Nhà máy; TBA Ngọc Yêu 2; FCO-477/7/49 KOXIA 2	XT477/DTO	0,47	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 23-

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/123/8 Măng Cánh	XT477/KPL	0,75	ĐL Kon Plông	Nhóm 6
Đăk Glei	TBA TĐ Đăk Mét, TBA Thi công hầm TĐ Đăk Mi, TBA Thôn Bê Rê, TBA TĐC Kon Riêng, TBA Đăk Choong 2, TBA La Lua	XT481/BOY	1,19	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 471/C2/1 NMCS Ngọc Hồi; Các TBA từ sau FCO 01-4 Thuận Lợi	XT471/BOY	3,66	ĐL Ngọc Hồi	
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến T2 thôn Chư Hem	XT 374/IGRAI	2,11	ĐL Tp. Kon Tum	
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 475/KTU	3,24		
	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT 473/KTU	3,16		
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	2,13		
Kon Rẫy	TBA Đăk Ruồng, Đăk Ruồng 1, TBA T9 Đăk Ruồng, Tân Lập 5, T4 Tân Lập, Đại Lộc 1, Kon Sờ Rệt	XT475/KPL	0,69	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC473/183 RG KT-ST đến LBS 473/202 Bình Nam, Các TBA từ sau MC472/63/61 Sa Nhơn đến MC472/132 Ngọc Win	XT472-473/KTU	1,38	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 01-4 Bê tông nóng đến hết TBA Trường Anh	XT 475/ĐHA	1,51	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết MC 471/86 T8 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	1,98		
Đăk Tô	Các TBA từ sau MC 477/DTO đến DCL 477-7/148/15 T2 Kon Đào, Các TBA từ sau MC 473/28/2 Kon PRing đến MC 473/01 Đăk Kon	XT 473/ĐTO	2,01	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	TBA Cấp nước 1; TBA Cấp nước 2; TBA XC Ngọc Linh, TBA Tu Mơ Rông 1	XT477/DTO	0,49	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 23- Nhóm 7
Kon Plông	Các TBA từ sau MC474/105/208 Đi Pờ Ê	XT474/KPL	0,75	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	TBA NMTB Phương Hoa 4	XT481/BOY	1,19	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi	XT471/BOY	1,81	ĐL Ngọc Hồi	
	Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT479/BOY	2,01		
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 479/KTU đến TBA UBND Phường Trường Chinh	XT 479/KTU	4,57	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ Sau MC 483/KTU đến TBA Tập thể Plei Krông	XT 483/KTU	3,86		

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem, Các TBA: từ sau MC 371/169 Cty 78 đến TBA đội 24	XT 374/IGRAI	2,18		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/242A/1 Nam Hà; Các TBA từ sau FCO 250-4 T6 Tân Lập, TBA Lâm Viên, T6A Tân Lập	XT475/KPL	0,7	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 472/63/61 Sa Nhơn đến MC472/132 Ngọc Win	XT472/KTU	1,38	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 471/01 T12 Đăk Hà đến hết MC 471/86 T8 Đăk Ui	XT 471/ĐHA	1,33	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau FCO 02-4 T10 Đăk Mar đến hết TBA Hồ C6A	XT 481/ĐHA	1,405		
Đăk Tô	Các TBA từ sau LBS 477/345/9 T3 Diên Bình đến RG Đăk Tô- Đăk Hà	XT 477/TM	2,01	ĐL Đăk Tô	
Tu Mơ Rông	Các TBA từ sau DCL 477-7/189/89 ĐĂK SAO; TBA Đăk Sao 4	XT477/DTO	0,55	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 24- Nhóm 1
Kon Plông	Các TBA từ sau DCL 477-7/86/71 KON NĂNG	XT477/KPL	0,79	ĐL Kon Plông	
Đăk Gleï	Các TBA từ sau MC 481/26/6 Đăk Choong	XT481/BOY	1,24	ĐL Đăk Gleï	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau MC 473/119/1 Đăk Long Giao	XT473/BOY	1,43	ĐL Ngọc Hồi	
	Các TBA từ sau MC 471/C97/99/3 Hào Nưa; Các TBA từ sau FCO 145-4 KTM Hưng Yên	XT471/BOY	2,39		
Tp. Kon Tum;Ia H’Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/550/1 Ia Đal đến T2 thôn Chư Hem	XT 473/KTU	2,11	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ sau DCL 481-7/S120 Trần Hưng Đạo đến MC 481/S160 Cầu treo Kon Klor	XT 475/KTU	3,24		
	Các TBA: Từ sau MC 476/25 NM Đường đến Vinh Quang	XT 374/IGRAI	3,16		
	Các TBA: Từ sau LBS 477/58/1 Trường Chinh đến LBS 477/58/30/14 Tiểu đoàn cơ động	XT 477/KTU	2,13		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau MC475/13/13 Kon Cheo Leo, TBA T2 Thị trấn	XT475/KPL	0,72	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC472/546/3 Đội 3, Cty 78, Các TBA từ sau MC472/63/61 Sa Nhơn đến MC472/132 Ngọc Win	XT472/KTU	1,44	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau FCO 200-4 Ngô Trang đến hết TBA Ngô Trang 3,	XT 473/ĐHA	1,49	ĐL Đăk Hà	
	Các TBA từ sau MC 471/86 T8 Đăk Ui đến hết TBA T3 Đăk Ui, TBA Chế biến gỗ cây cao su	XT 471/ĐHA	1,53		
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 3, Thôn 4 Diên Bình, Diên Bình 5	XT 477TM	1,13	ĐL Đăk Tô	

Khu vực	Thiết bị cắt điện	Xuất tuyến	Công suất (MW)	Điện lực	Ghi chú
	Các TBA: TBA khối 5	473/DTO	0,65		
Tu Mơ Rông	TBA Nghĩa Phát	XT477/DTO	0,5	ĐL Tu Mơ Rông	Mức 24- Nhóm 2
Kon Plông	Các TBA từ sau MC477/86/63 Cây Xăng	XT477/KPL	0,79	ĐL Kon Plông	
Đăk Glei	Các TBA từ sau LBS 481/360 Đăk Sút đến LBS 481/585 Đăk Dung	XT481/BOY	1,24	ĐL Đăk Glei	
Ngọc Hồi	Các TBA từ sau FCO 01-4 CS Đại Lợi	XT471/BOY	1.81	ĐL Ngọc Hồi	
	Các TBA từ sau FCO 01-4 BS Ngọc Hồi	XT479/BOY	2,01		
Tp. Kon Tum	Các TBA: Từ sau MC 479/KTU đến TBA UBND Phường Trường Chinh	XT 479/KTU	4,57	ĐL Tp. Kon Tum	
	Các TBA: Từ Sau MC 483/KTU đến TBA Tập thể Plei Krông	XT 483/KTU	3,86		
Ia H'Drai	Các TBA: Từ sau MC 371/78/1 Ia Đal đến TBA T2 thôn Chư Hem, Các TBA: từ sau MC 371/169 Cty 78 đến TBA đội 24	XT 374/IGRAI	2,18		
Kon Rẫy	Các TBA từ sau FCO-475/13/7 Kon Cheo Leo, TBA: Đại Lộc, Làng Kon Nhen, Kon Skôi	XT475/KPL	0,71	ĐL Kon Rẫy	
Sa Thầy	Các TBA từ sau MC 473/33A Ya Xiêr, MC 473/53/1 Sa Sơn, Các TBA từ sau LBS 472/349/01 Kà Đừ đến MC 472/63/61 Sa Nhơn	XT473/KTU	1,44	ĐL Sa Thầy	
Đăk Hà	Các TBA từ sau MC 475/8A/1 Dũng Nguyệt Anh đến hết TBA Dũng Nguyệt Anh 2	XT 475/ĐHA	4	ĐL Đăk Hà	
Đăk Tô	Các TBA: Diên Bình 3, Thôn 4 Diên Bình, Diên Bình 5	XT 477TM	1,13	ĐL Đăk Tô	
	Các TBA: TBA khối 5, Mầm non Sao Mai	473/DTO	0,65		